

## **CHƯƠNG 1.....4**

1. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu của lịch sử. (câu 6 HD)..... 4
2. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ những chuyển biến về kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam dưới tác động chính sách cai trị của thực dân pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. (câu 1 HD).....4
3. Anh/Chị hãy trình bày các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng và nguyên nhân thất bại của các phong trào. (Câu 2 HD).....5
4. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò, công lao của Nguyễn Ái Quốc. (Câu 4 HD).....5
5. Anh/Chị hãy trình bày nguyên nhân ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản này đã phản ánh điều gì?.....5
6. Anh/Chị hãy chứng minh: Bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo được phản ánh trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (2-1930)..... 6
7. Anh/Chị hãy trình bày phong trào cách mạng 1930-1931. Kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào đó. (Câu 8 HD)..... 7
8. Anh/Chị hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930). Qua đó chỉ ra mặt hạn chế của Luận cương..... 7
9. Anh/Chị hãy trình bày chủ trương và nhận thức mới của Đảng Cộng sản Đông Dương về vấn đề dân tộc và dân chủ giai đoạn 1936 – 1939..... 9
10. Theo Anh/Chị, tại sao Đảng đẩy mạnh các phong trào đấu tranh vận động dân chủ giai đoạn 1936-1939? Kể tên các phong trào và rút ra ý nghĩa lịch sử..... 11
11. Anh/Chị hãy phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939-1945. Và rút ra ý nghĩa lịch sử..... 13
12. Anh/Chị hãy chứng minh: Nghị quyết của hội nghị Trung ương Tám (tháng 5 -1941) đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong..... 14
13. Anh/Chị hãy phân tích nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị “Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta” ngày 12/3/1945..... 17
14. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng trong cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một quyết định đúng thời cơ..... 19
15. Anh/Chị hãy chứng minh: tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình và tính dân chủ được thể hiện trong cách mạng tháng Tám năm 1945..... 21

## **CHƯƠNG 2.....24**

1. Anh/Chị hãy phân tích tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 và chủ trương, sách lược của Đảng giải quyết tình thế khó khăn trên. (tham khảo câu 15 HD).....24
2. Theo anh/chị, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần phát huy bài học kinh

nghiệm gì từ sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946?.....	26
3. Anh/Chị hãy phân tích nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) để làm rõ đây là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt. (tham khảo câu 19 HD và phần trả lời).....	28
4. Anh/Chị hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế và trong nước sau ngày ký Hiệp định Giơnevơ năm (7-1954). Tình hình trên đặt ra yêu cầu bức thiết gì? (tham khảo câu 22 HD và trả lời).....	30
5. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 – 1960).....	32
6. Anh/Chị hãy phân tích nội dung Đại hội III (tháng 9-1960) để làm sáng tỏ đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.....	34
7. Anh/Chị hãy phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) và rút ra ý nghĩa lịch sử.....	36
8. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc (1965-1968). Trình bày kết quả và ý nghĩa lịch sử. (trang 209 giáo trình).....	38
9. Anh/chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. (trang 213 giáo trình).....	41
10. Anh/Chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. (cuối trang 223 giáo trình).....	44
11. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng thời kỳ 1954 – 1975, Đảng ta rút ra những kinh nghiệm gì? Hãy phân tích một kinh nghiệm anh/chị tâm đắc nhất. (tham khảo câu 27 HD).....	46
<b>CHƯƠNG 3.....</b>	<b>49</b>
1. Anh/Chị hãy trình bày đường lối phát triển kinh tế của Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976). Qua đó nêu hạn chế của chủ trương này?.....	49
2. Anh/Chị hãy Phân tích những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội?.....	51
3. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương công nghiệp hóa “tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982) được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam?.....	53
4. Anh/Chị hãy phân tích ba bước đột phá kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1986).....	55
5. Anh/Chị hãy trình bày những chủ trương đổi mới kinh tế được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986). Rút ra nhận xét chủ trương trên.	

6. Anh/Chị hãy trình bày những nội dung và kết quả chỉ đạo đổi mới quan trọng của Đảng tại các Hội nghị Trung ương Đảng khóa VI trên lĩnh vực kinh tế.....	60
7. Anh/Chị hãy chứng minh: Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Rút ra ý nghĩa của Cương lĩnh.....	63
8. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm của Đảng về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996). Qua đó làm rõ trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.....	66
9. Anh/Chị hãy làm rõ quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998). Qua đó, hãy nêu trách nhiệm của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?.....	69
10. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001).....	72
11. Anh/Chị hãy trình bày đặc trưng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được thông qua tại Đại hội toàn quốc lần thứ X (4-2006) và chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.....	75
12. Anh/Chị hãy trình bày những điểm bổ sung, phát triển của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991.....	76
13. Anh/Chị hãy trình bày một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay được thể hiện thông qua Nghị quyết số 12-NQ/TW do Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành ngày 16/1/2012. Qua đó, hãy đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay.....	79
14. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014). Qua đó, làm rõ đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp.....	81
15. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013). Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì?..	82
16. Anh/Chị hãy trình bày sáu nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới được thông qua tại Đại hội XII (1/2016). Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì?.....	84
17. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới của Đảng tại Đại hội XIII (2021). Để “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay là gì?.....	85
18. Anh/Chị hãy trình bày những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay. Qua đó, anh/chị tâm đắc nhất bài học nào? Vì sao?.....	87

## CHƯƠNG 1

### ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

**1. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự kiện Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là một tất yếu của lịch sử. (câu 6 HD)**

- **Sự phát triển của phong trào yêu nước chống Pháp:** Các phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX dù diễn ra mạnh mẽ nhưng đều thất bại do thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn và một tổ chức lãnh đạo thống nhất.
- **Ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga (1917):** Mở ra con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản, thúc đẩy các nước thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.
- **Sự truyền bá của chủ nghĩa Mác - Lênin:** Cung cấp cơ sở lý luận khoa học, giúp định hướng đường lối cách mạng phù hợp với tình hình Việt Nam.
- **Vai trò của Nguyễn Ái Quốc:** Người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, và trực tiếp thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.
- **Sự ra đời của Đảng là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.**

**2. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ những chuyển biến về kinh tế - chính trị - xã hội Việt Nam dưới tác động chính sách cai trị của thực dân pháp cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. (câu 1 HD)**

- **Kinh tế:**
  - Thực dân Pháp tiến hành hai cuộc khai thác thuộc địa lớn (1897-1914 và 1919-1929), tập trung vào khai khoáng, giao thông, ngân hàng.
  - Kinh tế nông nghiệp bị kìm hãm, đời sống nông dân cực khổ do chính sách cướp đoạt ruộng đất.
  - Sự xuất hiện của giai cấp công nhân do sự phát triển của các ngành công nghiệp khai thác, chế biến và giao thông vận tải.
- **Chính trị:**
  - Chính sách cai trị hà khắc, thực hiện chế độ thuộc địa nửa phong kiến.
  - Triệt tiêu các phong trào yêu nước, đàn áp gắt gao mọi cuộc đấu tranh.
- **Xã hội:**
  - Xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc với sự hình thành các giai cấp mới như công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản.
  - Mâu thuẫn dân tộc và giai cấp ngày càng sâu sắc, đặc biệt là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp.

**3. Anh/Chị hãy trình bày các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng và nguyên nhân thất bại của các phong trào. (Câu 2 HD)**

- **Phong trào Cần Vương (1885-1896):** Lãnh đạo bởi vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết, mang tính phong kiến, chưa có đường lối rõ ràng.
- **Phong trào Yên Thế (1884-1913):** Do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, mang tính nông dân tự phát, không có tổ chức chặt chẽ.
- **Phong trào Duy Tân, Đông Du (1904-1908):** Do Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh lãnh đạo, ảnh hưởng tư tưởng cải cách tư sản, nhưng thiếu lực lượng quần chúng đông đảo.
- **Việt Nam Quốc dân Đảng (1927-1930):** Là tổ chức cách mạng theo xu hướng tư sản, thất bại sau khởi nghĩa Yên Bái do bị đàn áp khốc liệt và tổ chức còn yếu.
- **Nguyên nhân thất bại:** Thiếu một hệ tư tưởng cách mạng đúng đắn, tổ chức lãnh đạo thống nhất, và chưa phát huy được sức mạnh quần chúng nhân dân.

**4. Anh/Chị hãy chứng minh: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với vai trò, công lao của Nguyễn Ái Quốc. (Câu 4 HD)**

- **Tìm đường cứu nước:** Năm 1911, Người ra đi tìm đường cứu nước, đến năm 1920, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin và xác định con đường cách mạng Việt Nam.
- **Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin:** Thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1925), xuất bản báo Thanh Niên, đào tạo cán bộ cách mạng.
- **Triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (1930):** Với tư cách là đại diện Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc chủ trì hội nghị, thống nhất ba tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

**5. Anh/Chị hãy trình bày nguyên nhân ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam trong năm 1929. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản này đã phản ánh điều gì?**

- **Nguyên nhân:**
  - Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào công nhân, đòi hỏi phải có một tổ chức cộng sản lãnh đạo.
  - Ảnh hưởng từ Quốc tế Cộng sản và sự truyền bá của chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.
  - Mâu thuẫn giữa các tổ chức cách mạng về phương hướng đấu tranh.
- **Ý nghĩa:**
  - Đánh dấu sự trưởng thành của phong trào công nhân Việt Nam.
  - Mở đường cho sự thống nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

**6. Anh/Chị hãy chứng minh: Bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo được phản ánh trong nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (2-1930).**

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo vào tháng 2/1930 thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ và sáng tạo qua nhiều khía cạnh quan trọng.

**1. Tính độc lập, tự chủ**

- **Tự xác định con đường cách mạng phù hợp với thực tiễn Việt Nam**

Cương lĩnh khẳng định cách mạng Việt Nam phải đi theo con đường cách mạng vô sản, nhưng không rập khuôn mô hình của các nước khác mà được vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của nước ta.

- **Xác định rõ nhiệm vụ giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp**

Cương lĩnh đề ra hai nhiệm vụ cơ bản: **đánh đổ đế quốc, phong kiến và giành độc lập dân tộc**, đồng thời **tiến hành cách mạng ruộng đất để giải phóng nông dân**. Đây là cách tiếp cận mang tính độc lập, phù hợp với tình hình thực tiễn Việt Nam lúc bấy giờ.

- **Không lệ thuộc vào các cường quốc hay phong trào cách mạng nước ngoài**

Cương lĩnh nhấn mạnh cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới, nhưng không hoàn toàn phụ thuộc vào bất kỳ tổ chức quốc tế nào. Điều này thể hiện tư duy độc lập trong xác định chiến lược cách mạng của Nguyễn Ái Quốc.

**2. Tính sáng tạo**

- **Kết hợp nhiệm vụ dân tộc và dân chủ**

Thay vì chỉ tập trung vào đấu tranh giai cấp như một số lý luận của Quốc tế Cộng sản thời kỳ đó, Cương lĩnh đã **đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu**, cho thấy sự sáng tạo trong tư duy chiến lược.

- **Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân**

Nguyễn Ái Quốc xác định lực lượng cách mạng không chỉ bao gồm công nhân và nông dân, mà còn mở rộng đến **trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc** – điều mà Luận cương chính trị (10/1930) sau này chưa đề cập đầy đủ. Điều này giúp phát huy tối đa sức mạnh dân tộc trong đấu tranh giành độc lập.

- **Phương pháp cách mạng linh hoạt**

Cương lĩnh chủ trương **kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang**, không chỉ đơn thuần dựa vào bạo lực cách mạng. Quan điểm này tạo điều kiện để cách mạng Việt Nam có thể thích ứng với tình hình thực tế, tránh rơi vào chủ nghĩa giáo điều.

**Kết luận**

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo thể hiện rõ bản lĩnh chính trị **độc lập, tự chủ và sáng tạo**, đặt nền tảng vững chắc cho đường lối cách mạng Việt Nam. Chính nhờ tư duy nhạy bén và linh hoạt này mà cách mạng Việt Nam đã có thể tập hợp lực lượng, giành thắng lợi trong các giai đoạn sau.

**7. Anh/Chị hãy trình bày phong trào cách mạng 1930-1931. Kết quả và ý nghĩa lịch sử của phong trào đó. (Câu 8 HD)**

- **Diễn biến:**
  - Phong trào nổ ra khắp Bắc, Trung, Nam.
  - Đỉnh cao là Xô Viết Nghệ - Tĩnh, hình thức chính quyền công nông đầu tiên.
- **Kết quả:**
  - Thực dân Pháp đàn áp, hàng nghìn chiến sĩ bị bắt, tù đầy hoặc hy sinh.
- **Ý nghĩa:**
  - Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng.
  - Rút ra bài học kinh nghiệm cho cách mạng sau này.

**8. Anh/Chị hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) và Luận cương chính trị (10/1930). Qua đó chỉ ra mặt hạn chế của Luận cương.**

**1. Điểm giống nhau**

- **Mục tiêu cách mạng:** Cả hai văn kiện đều xác định cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc, nhằm đánh đổ chế độ thực dân và phong kiến.
- **Lực lượng cách mạng:** Điều nhấn mạnh vai trò của giai cấp công nhân và nông dân trong phong trào cách mạng.
- **Sự lãnh đạo của Đảng:** Điều khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng.
- **Quan hệ quốc tế:** Điều xác định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải liên kết với phong trào cách mạng vô sản quốc tế.

**2. Điểm khác nhau**

<b>Tiêu chí</b>	<b>Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930)</b>	<b>Luận cương chính trị (10/1930)</b>
-----------------	---	---------------------------------------

<b>Tác giả</b>	Nguyễn Ái Quốc
<b>chính</b>	

Trần Phú

<b>Nội dung cơ bản</b>	Đề ra nhiệm vụ vừa chống đế quốc, vừa chống phong kiến, coi đây là hai nhiệm vụ quan trọng, gắn liền nhau.	Nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, coi cách mạng Việt Nam trước hết là cuộc cách mạng tư sản dân quyền do giai cấp vô sản lãnh đạo.
<b>Đường lối cách mạng</b>	Xác định cách mạng Việt Nam có tính chất dân tộc và dân chủ, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.	Nhấn mạnh đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất, coi đấu tranh dân tộc chỉ là bước đầu để tiến lên cách mạng vô sản.
<b>Lực lượng tham gia</b>	Đề cao khối đại đoàn kết dân tộc, bao gồm cả tư sản dân tộc và trí thức yêu nước.	Chủ yếu nhấn mạnh vai trò của công nhân và nông dân, xem nhẹ tầng lớp tư sản dân tộc.
<b>Phương pháp cách mạng</b>	Linh hoạt, kết hợp cả đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.	Thiên về đấu tranh vũ trang, coi trọng khởi nghĩa vũ trang để giành chính quyền.

### 3. Hạn chế của Luận cương chính trị (10/1930)

- **Chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu:** Luận cương nhấn mạnh đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất, trong khi thực tế lúc đó, nhiệm vụ cấp thiết nhất là giành độc lập dân tộc.
- **Hạn chế trong việc xác định lực lượng cách mạng:** Luận cương không đánh giá đúng vai trò của tầng lớp trí thức, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, dẫn đến thu hẹp mặt trận đoàn kết dân tộc.
- **Thiếu tính linh hoạt trong phương pháp cách mạng:** Luận cương coi trọng bạo lực cách mạng và đấu tranh vũ trang mà chưa đề cao hình thức đấu tranh chính trị linh hoạt phù hợp với tình hình thực tế.

### Kết luận

Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930) do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo mang tính thực tiễn cao, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Trong khi đó, Luận cương chính trị (10/1930) thiên về đấu tranh giai cấp, chưa đề cao đúng mức nhiệm vụ giải phóng dân tộc, dẫn đến những hạn chế trong chiến lược cách mạng giai đoạn sau.



## 9. Anh/Chị hãy trình bày chủ trương và nhận thức mới của Đảng Cộng sản Đông Dương về vấn đề dân tộc và dân chủ giai đoạn 1936 – 1939.

Giai đoạn 1936 – 1939 đánh dấu sự thay đổi quan trọng trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương trước tình hình quốc tế và trong nước có nhiều biến chuyển. Đảng đã có nhận thức mới về hai vấn đề cốt lõi: **vấn đề dân tộc** và **vấn đề dân chủ**, từ đó đưa ra những chủ trương phù hợp với thực tiễn.

### 1. Bối cảnh lịch sử

- **Quốc tế:**
  - Chủ nghĩa phát xít trỗi dậy ở Đức, Ý, Nhật, đe dọa hòa bình thế giới.
  - Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền ở Pháp (1936), thực hiện một số chính sách tiến bộ, tạo điều kiện cho phong trào đấu tranh ở thuộc địa.
- **Trong nước:**
  - Chế độ thuộc địa của thực dân Pháp vẫn duy trì sự áp bức, nhưng có một số cải cách do ảnh hưởng từ chính quyền Mặt trận Nhân dân Pháp.
  - Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân ngày càng phát triển.

---

## 2. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng về vấn đề dân tộc và dân chủ

### 2.1. Về vấn đề dân tộc

- **Chuyển hướng từ đấu tranh trực diện giành độc lập sang đấu tranh đòi quyền tự do, dân chủ**
  - Đảng xác định **nhiệm vụ trước mắt không phải là đánh đổ đế quốc, mà là đấu tranh đòi các quyền dân chủ, tự do**, nhằm tập hợp lực lượng và tạo tiền đề cho cách mạng sau này.
  - Thay vì đề ra nhiệm vụ lật đổ chính quyền thực dân ngay lập tức, Đảng chủ trương **đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực** như quyền tự do báo chí, tự do hội họp, giảm sưu thuế...
- **Liên minh với các lực lượng tiến bộ ở Pháp**
  - Đảng nhận thấy có thể tận dụng những cải cách từ chính quyền Mặt trận Nhân dân Pháp để thúc đẩy phong trào dân chủ ở Đông Dương.
  - Nhận thức này thể hiện quan điểm đấu tranh mềm dẻo, không chỉ dựa vào đối đầu trực diện mà còn biết tận dụng thời cơ quốc tế.

### 2.2. Về vấn đề dân chủ

- **Xác định kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phản động thuộc địa, không phải toàn bộ thực dân Pháp**

- Đảng nhận ra rằng **không phải toàn bộ chính quyền thực dân đều là kẻ thù của nhân dân Đông Dương.**
- Do đó, cần phân hóa kẻ thù, đấu tranh chống lại những phần tử phản động thuộc địa, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ trong nước và ở Pháp.
- **Thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1938)**
  - Đây là một bước tiến trong tư duy chính trị của Đảng, thể hiện sự linh hoạt trong phương pháp đấu tranh.
  - Mặt trận này tập hợp rộng rãi các giai cấp và tầng lớp khác nhau, kể cả tư sản dân tộc và địa chủ tiến bộ, nhằm tranh đấu đòi quyền lợi dân chủ, dân sinh.
- **Chuyển đổi phương pháp đấu tranh**
  - Thay vì đấu tranh vũ trang, Đảng chủ trương **đấu tranh hợp pháp, công khai** thông qua báo chí, hội họp, bãi công...
  - Phương pháp này giúp phong trào cách mạng có thể phát triển mạnh mẽ hơn mà không bị đàn áp ngay lập tức.

### 3. Ý nghĩa của sự chuyển hướng này

- **Phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn:** Đảng thể hiện sự nhạy bén khi không máy móc áp dụng đấu tranh vũ trang mà biết tận dụng thời cơ để mở rộng phong trào.
- **Tập hợp được lực lượng rộng rãi:** Nhờ chủ trương mềm dẻo, Đảng đã thu hút thêm nhiều tầng lớp tham gia đấu tranh, đặc biệt là trí thức, tư sản dân tộc.
- **Tạo tiền đề cho Tổng khởi nghĩa 1945:** Dù chưa trực tiếp giành chính quyền, nhưng phong trào 1936 – 1939 giúp nhân dân có thêm kinh nghiệm đấu tranh, góp phần chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng Tháng Tám sau này.

### Kết luận

Giai đoạn 1936 – 1939 là một bước ngoặt trong đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương. Nhận thức mới về vấn đề dân tộc và dân chủ đã giúp Đảng linh hoạt hơn trong chiến lược đấu tranh, tận dụng thời cơ để phát triển lực lượng, đặt nền móng quan trọng cho các thắng lợi cách mạng về sau.

### 10. Theo Anh/Chị, tại sao Đảng đẩy mạnh các phong trào đấu tranh vận động dân chủ giai đoạn 1936-1939? Kể tên các phong trào và rút ra ý nghĩa lịch sử.

Giai đoạn 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đẩy mạnh các phong trào đấu tranh vận động dân chủ vì những lý do sau:

#### 1. Bối cảnh quốc tế và trong nước thuận lợi

- **Quốc tế:**
  - Chủ nghĩa phát xít trỗi dậy ở Đức, Ý, Nhật, đe dọa hòa bình thế giới.
  - Ở Pháp, chính phủ Mặt trận Nhân dân lên cầm quyền (1936) với chủ trương cải cách, mở ra cơ hội cho các thuộc địa đấu tranh đòi quyền lợi.
- **Trong nước:**
  - Thực dân Pháp vẫn duy trì chế độ thuộc địa hà khắc, nhưng chịu áp lực từ Mặt trận Nhân dân Pháp nên phải có một số nhượng bộ.
  - Đời sống nhân dân cực khổ do khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933, làm gia tăng tinh thần đấu tranh.

## 2. Chủ trương mới của Đảng

- Đảng xác định nhiệm vụ trước mắt không phải giành chính quyền ngay mà **đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cải thiện đời sống** để tập hợp lực lượng.
- Thay vì đấu tranh bí mật và vũ trang, Đảng chủ trương **đấu tranh công khai, hợp pháp**, tận dụng điều kiện mới để mở rộng phong trào.
- **Mở rộng mặt trận đoàn kết:** Thành lập **Mặt trận Dân chủ Đông Dương** (1938), quy tụ nhiều tầng lớp tham gia, kể cả trí thức, tư sản dân tộc.

### Các phong trào đấu tranh tiêu biểu (1936 – 1939)

#### 1. Phong trào Đông Dương Đại hội (1936)

- Hình thức: Mở các hội nghị, thu thập nguyện vọng nhân dân, đưa kiến nghị lên chính quyền thực dân Pháp.
- Mục tiêu: Đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, cải thiện đời sống.
- Kết quả: Dù bị đàn áp, phong trào tạo tiền đề cho các cuộc đấu tranh công khai sau này.

#### 2. Phong trào đòi dân sinh, dân chủ (1936 – 1939)

- Hình thức: Biểu tình, bãi công, tổ chức các cuộc mít tinh lớn để phản đối chế độ thuộc địa.
- Mục tiêu: Giảm sưu thuế, cải thiện đời sống công nhân, quyền tự do báo chí, hội họp.
- Kết quả: Chính quyền thực dân buộc phải nhượng bộ một số yêu sách như giảm thuế và thả tù chính trị.

#### 3. Phong trào báo chí cách mạng công khai

- Một số tờ báo tiến bộ ra đời như: **Le Travail, Tin tức, Đời nay, Dân chúng**, giúp tuyên truyền chủ trương đấu tranh của Đảng.
- Qua báo chí, phong trào dân chủ được phổ biến rộng rãi, thu hút thêm trí thức và các tầng lớp yêu nước.

#### 4. Phong trào bầu cử vào Viện Dân biểu (1937 – 1939)

- Mục tiêu: Đưa người tiến bộ vào các cơ quan đại diện để đấu tranh từ bên trong.
- Kết quả: Một số đại diện có tư tưởng dân chủ được bầu vào Viện Dân biểu nhưng bị thực dân Pháp kiểm soát chặt chẽ.

#### Ý nghĩa lịch sử của phong trào dân chủ 1936 – 1939

##### 1. Tạo bước phát triển mới về tổ chức và phương pháp đấu tranh

- Phong trào giúp Đảng mở rộng lực lượng, không chỉ gồm công nhân và nông dân mà còn thu hút cả trí thức, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.
- Cách đấu tranh công khai, hợp pháp giúp phong trào lan rộng mà không bị đàn áp ngay lập tức.

##### 2. Bồi dưỡng lực lượng cách mạng, nâng cao nhận thức chính trị

- Qua phong trào, quần chúng nhân dân có thêm kinh nghiệm đấu tranh, chuẩn bị cho những giai đoạn cách mạng tiếp theo.

##### 3. Góp phần đưa Đảng ra hoạt động công khai

- Dưới danh nghĩa Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Đảng có thể hoạt động hợp pháp, tổ chức các phong trào đấu tranh mạnh mẽ.

##### 4. Tạo tiền đề cho Cách mạng Tháng Tám (1945)

- Phong trào giúp xây dựng lực lượng, chuẩn bị về chính trị và tổ chức, làm nền tảng cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền sau này.

#### Kết luận

Giai đoạn 1936 – 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự điều chỉnh chiến lược phù hợp với tình hình, đẩy mạnh các phong trào dân chủ để tập hợp lực lượng và nâng cao nhận thức chính trị trong nhân dân. Dù chưa giành được độc lập, phong trào đã có ý nghĩa to lớn trong việc phát triển lực lượng cách mạng, tạo tiền đề cho thắng lợi sau này.

#### 11. Anh/Chị hãy phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939-1945. Và rút ra ý nghĩa lịch sử.

Phân tích chủ trương chiến lược mới của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1939 – 1945 và ý nghĩa lịch sử

##### 1. Bối cảnh lịch sử

##### 1.1. Tình hình quốc tế

- **Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) bùng nổ**, làm thay đổi cục diện chính trị toàn cầu.

- **Năm 1940, Nhật Bản tiến vào Đông Dương**, thực dân Pháp đầu hàng phát xít Nhật nhưng vẫn duy trì bộ máy cai trị, tạo ra tình trạng **hai tầng áp bức** (Pháp – Nhật).
- **Phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới dâng cao**, đặc biệt là sự thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trước phát xít Đức (1943) tạo động lực cho phong trào cách mạng ở Việt Nam.

## 1.2. Tình hình trong nước

- Nhân dân chịu cảnh **bóc lột nặng nề từ cả Pháp và Nhật**, dẫn đến cuộc **nạn đói khủng khiếp năm 1945** làm hơn 2 triệu người chết.
- Phong trào cách mạng ở Đông Dương buộc phải **chuyển từ đấu tranh đòi dân chủ sang đấu tranh vũ trang giành chính quyền**.
- **Chính phủ Pháp yếu thế, Nhật Bản nắm quyền kiểm soát Đông Dương (9/3/1945), tạo cơ hội cho cách mạng Việt Nam vùng lên giành chính quyền**.

## 2. Chủ trương chiến lược mới của Đảng giai đoạn 1939 – 1945

Trước tình hình mới, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có sự điều chỉnh chiến lược quan trọng, từ **đấu tranh dân chủ (1936 – 1939) chuyển sang đấu tranh giải phóng dân tộc** với các nội dung chính sau:

### 2.1. Xác định nhiệm vụ trọng tâm: Độc lập dân tộc là trên hết

- Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 xác định **nhiệm vụ hàng đầu là giải phóng dân tộc**, thay vì tiếp tục đấu tranh dân chủ như trước.
- Hội nghị Trung ương tháng 5/1941 (do Nguyễn Ái Quốc chủ trì) tiếp tục nhấn mạnh: **Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cấp bách nhất của cách mạng Đông Dương**.

### 2.2. Thành lập Mặt trận Việt Minh (1941) để tập hợp lực lượng

- Đảng quyết định thành lập **Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh Hội (Việt Minh)** để đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mở rộng lực lượng cách mạng.
- Tổ chức các đội du kích vũ trang như **Cứu quốc quân (1941), Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (1944)** làm nòng cốt cho khởi nghĩa vũ trang.

### 2.3. Chuyển hướng phương pháp đấu tranh: Từ đấu tranh hợp pháp sang đấu tranh vũ trang

- Đảng chủ trương **chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang** với hình thức **đấu tranh vũ trang từng phần, tiến tới tổng khởi nghĩa**.

- Tổ chức các căn cứ địa cách mạng như **Bắc Sơn – Võ Nhai, Cao Bằng** để làm bàn đạp cho khởi nghĩa.

#### 2.4. Lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Nhật – Pháp

- Khi Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945), Đảng kêu gọi "**Đánh đuổi phát xít Nhật**", mở rộng chiến tranh du kích.
- Thành lập **Ủy ban Dân tộc Giải phóng** và chỉ đạo **Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945**, giành chính quyền trên toàn quốc.

#### 3. Ý nghĩa lịch sử của chủ trương chiến lược này

- **Đưa cách mạng Việt Nam lên một bước phát triển mới:** Từ đấu tranh đòi dân chủ sang **đấu tranh giải phóng dân tộc**, phù hợp với tình hình thực tế.
- **Huy động được sức mạnh toàn dân:** Chủ trương thành lập Việt Minh đã quy tụ được mọi tầng lớp nhân dân, tạo thế và lực cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám.
- **Khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng:** Nhờ chiến lược đúng đắn, Đảng đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2/9/1945.

#### Kết luận

Giai đoạn 1939 – 1945, Đảng Cộng sản Đông Dương đã có **bước chuyển chiến lược quan trọng**, từ đấu tranh đòi dân chủ sang đấu tranh giành độc lập dân tộc. Những chủ trương đúng đắn này đã tạo tiền đề quyết định cho thắng lợi của **Cách mạng Tháng Tám năm 1945**, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam.

**12. Anh/Chị hãy chứng minh: Nghị quyết của hội nghị Trung ương Tám (tháng 5 -1941) đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong.**

##### 1. Bối cảnh ra đời của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Tám (5/1941)

Vào tháng 5 năm 1941, Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ tám được triệu tập tại Pác Bó (Cao Bằng) dưới sự chủ trì của **Nguyễn Ái Quốc**. Hội nghị diễn ra trong bối cảnh:

- **Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn căng thẳng**, phát xít Đức xâm lược Liên Xô (6/1941), Nhật tiếp tục mở rộng kiểm soát Đông Dương.
- **Nhật – Pháp cấu kết với nhau cai trị Việt Nam**, đàn áp phong trào cách mạng, làm trầm trọng thêm đời sống của nhân dân.
- **Nạn đói năm 1945 diễn ra mạnh mẽ**, đời sống nhân dân cực khổ, yêu cầu giải phóng dân tộc trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương Tám đã xác định chủ trương chiến lược cách mạng phù hợp, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa **nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, giữa phản đế và phản phong**.

2. Hội nghị Trung ương Tám (5/1941) giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ

2.1. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu

- Hội nghị xác định: **Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ cấp bách nhất của cách mạng Việt Nam.**
- Nghị quyết khẳng định:  
"Trong lúc này, quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy, hơn cả quyền lợi giai cấp và quyền lợi bộ phận."
- Điều này thể hiện sự **ưu tiên tuyệt đối cho nhiệm vụ dân tộc**, đồng thời cho thấy nhận thức đúng đắn của Đảng về tình hình thực tế:
  - Nếu không có độc lập dân tộc thì không thể thực hiện các quyền dân chủ.
  - Nếu không giải phóng dân tộc thì đấu tranh giai cấp và các yêu cầu cải cách dân chủ đều không có ý nghĩa thực tiễn.

2.2. Không tách rời nhiệm vụ dân chủ

- Mặc dù nhấn mạnh giải phóng dân tộc, nhưng Hội nghị không phủ nhận nhiệm vụ dân chủ mà xem đây là một phần của cuộc đấu tranh lâu dài.
- Sau khi giành độc lập, Đảng chủ trương:
  - **Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân**, đảm bảo quyền dân chủ cho mọi tầng lớp.
  - Tiến hành cải cách kinh tế, xã hội để nâng cao đời sống nhân dân.
- Như vậy, **dân chủ không bị xem nhẹ mà được đặt trong mối quan hệ biện chứng với dân tộc**, thực hiện từng bước theo tình hình thực tế.

3. Hội nghị Trung ương Tám (5/1941) giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa phản đế và phản phong

3.1. Xác định nhiệm vụ chính: Chống đế quốc Nhật – Pháp

- Hội nghị xác định:
  - **Kẻ thù chính trước mắt là phát xít Nhật và thực dân Pháp.**
  - Muốn xóa bỏ áp bức, bóc lột thì trước hết phải đánh đuổi ngoại xâm, giành lại chủ quyền.
- Điều này thể hiện **quan điểm đúng đắn**, vì nếu không đánh đổ chế độ thực dân – phát xít, nhân dân không thể có tự do để thực hiện các cải cách xã hội.

### 3.2. Tạm gác đấu tranh chống phong kiến, nhưng không từ bỏ

- Đảng nhận thấy trong tình thế cấp bách, không thể cùng lúc chống cả **đế quốc** và **phong kiến** mà cần xác định **đâu là nhiệm vụ trọng tâm**.
- Vì vậy, Đảng chủ trương **tạm gác đấu tranh chống phong kiến** để tập trung đoàn kết toàn dân đánh Pháp – Nhật.
- Tuy nhiên, đấu tranh phản phong vẫn **không bị bỏ qua hoàn toàn** mà sẽ được thực hiện **sau khi giành được độc lập**, thông qua các chính sách:
  - **Tịch thu ruộng đất của thực dân và phong kiến** tay sai để chia cho dân cày.
  - **Xóa bỏ các tàn dư phong kiến phản động** sau khi cách mạng thành công.
- Đây là cách giải quyết đúng đắn, giúp tập trung sức mạnh toàn dân, tránh phân tán lực lượng khi chưa giành được chính quyền.

### 4. Những quyết định quan trọng của Hội nghị Trung ương Tám thể hiện tư duy chiến lược đúng đắn

- **Thành lập Mặt trận Việt Minh (1941)** để tập hợp mọi tầng lớp nhân dân vào cuộc đấu tranh chống Pháp – Nhật.
- **Chuyển hướng phương pháp đấu tranh**: Từ hoạt động bí mật sang khởi nghĩa vũ trang.
- **Xây dựng lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng**: Tổ chức các đội du kích vũ trang, lập chiến khu Việt Bắc làm bàn đạp cho tổng khởi nghĩa.
- **Chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa**: Khi thời cơ đến, lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành chính quyền.

### 5. Ý nghĩa lịch sử của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Tám (5/1941)

- **Đánh dấu bước chuyển quan trọng của cách mạng Việt Nam**: Từ đấu tranh dân chủ sang đấu tranh giải phóng dân tộc, đặt nền móng cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám.
- **Khẳng định tư duy chiến lược sáng suốt của Đảng**: Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa **dân tộc và dân chủ**, giữa **phản đế và phản phong**, phù hợp với tình hình thực tế.
- **Tạo nền tảng cho sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2/9/1945)**: Nếu không có chủ trương đúng đắn này, cách mạng không thể đi đến thành công nhanh chóng.

### Kết luận



Nghị quyết Hội nghị Trung ương Tám (5/1941) là một quyết sách mang tính bước ngoặt, giúp cách mạng Việt Nam định hướng đúng đắn, tập trung vào nhiệm vụ cốt lõi là giành độc lập dân tộc, đồng thời không tách rời nhiệm vụ dân chủ và chống phong kiến. Sự lãnh đạo sáng suốt này đã góp phần quyết định vào thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

### **13. Anh/Chị hãy phân tích nội dung và ý nghĩa của Chỉ thị “*Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” ngày 12/3/1945.**

#### **1. Bối cảnh ra đời của Chỉ thị**

##### **1.1. Tình hình quốc tế**

- **Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn cuối:** Quân Đồng minh phản công mạnh mẽ, phát xít Đức và Nhật dần suy yếu.
- **Nhật Bản thất thế ở Thái Bình Dương,** chuẩn bị đối mặt với thất bại trước quân Đồng minh.

##### **1.2. Tình hình trong nước**

- **Ngày 9/3/1945,** Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Thực dân Pháp hoàn toàn mất quyền kiểm soát, bộ máy cai trị của Pháp sụp đổ.
- Nhật lập chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim để duy trì quyền lực, tuyên truyền khẩu hiệu **"trao trả độc lập"** nhằm lừa bịp nhân dân.
- Đời sống nhân dân cực kỳ khổ cực do sự bóc lột tàn bạo của Nhật. Đặc biệt, **nạn đói 1945** đã làm hơn 2 triệu người Việt Nam chết đói.

**=> Trước tình hình đó, Đảng Cộng sản Đông Dương họp khẩn cấp và ra Chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ngày 12/3/1945, chỉ rõ đường lối đấu tranh trong giai đoạn mới.**

#### **2. Nội dung chính của Chỉ thị**

##### **2.1. Xác định bản chất của Nhật và Pháp, không ngả theo bên nào**

- Đảng nhận định cuộc đảo chính của Nhật **không phải là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc,** mà chỉ là sự thay thế một kẻ áp bức (Pháp) bằng một kẻ áp bức khác (Nhật).
- Chỉ thị khẳng định: **Kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Nhật.**

**=> Đây là sự đánh giá sáng suốt, giúp nhân dân không rơi vào bẫy tuyên truyền của Nhật.**

2.2. Thay đổi phương châm đấu tranh: Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, sẵn sàng khởi nghĩa

- **Từ đấu tranh bí mật sang đấu tranh công khai:** Do bộ máy cai trị của Pháp sụp đổ, kẻ thù chưa ổn định tình hình, đây là thời cơ tốt để cách mạng phát triển.
- **Chuyển từ khởi nghĩa từng phần sang khởi nghĩa toàn quốc khi thời cơ đến:** Đảng kêu gọi tích cực chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng phát động **Tổng khởi nghĩa** khi điều kiện chín muồi.
- **Chủ trương phát động chiến tranh du kích rộng rãi,** mở rộng căn cứ địa cách mạng.

=> Đây là sự điều chỉnh chiến lược quan trọng, thể hiện tư duy linh hoạt của Đảng.

2.3. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh của nhân dân

- **Chống phát xít Nhật bằng nhiều hình thức:**
  - Tuyên truyền, vạch trần sự lừa bịp của Nhật.
  - Biểu tình, bãi công, phá hoại các kho thóc của Nhật để cứu đói.
  - Thành lập chính quyền cách mạng ở những nơi có điều kiện.
- **Mở rộng và củng cố lực lượng Việt Minh,** tập hợp nhân dân đoàn kết đấu tranh.

=> Những chỉ đạo này giúp nhân dân chủ động đấu tranh, từng bước tạo thế và lực cho Cách mạng Tháng Tám.

3. Ý nghĩa lịch sử của Chỉ thị

3.1. Định hướng đúng đắn cho cách mạng Việt Nam

- Xác định rõ kẻ thù chính là Nhật, không mắc mưu chính trị của chúng.
- Chỉ ra con đường đấu tranh phù hợp, chuẩn bị sẵn sàng cho khởi nghĩa.

3.2. Tạo tiền đề cho Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945

- Đẩy mạnh xây dựng lực lượng cách mạng, mở rộng phong trào đấu tranh.
- Giúp nhân dân có sự chuẩn bị tốt nhất để khi thời cơ đến vào tháng 8/1945, cách mạng có thể nổ ra và giành thắng lợi nhanh chóng.

3.3. Thể hiện sự nhạy bén và lãnh đạo tài tình của Đảng

- Đảng nhanh chóng nhận định tình hình, kịp thời đề ra chỉ thị phù hợp.
- Sự chủ động này giúp cách mạng Việt Nam **đi trước một bước**, không bị động trước những thay đổi chính trị do Nhật gây ra.

#### 4. Kết luận

Chỉ thị "**Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta**" (12/3/1945) là một văn kiện quan trọng của Đảng, đánh dấu bước ngoặt trong chiến lược cách mạng Việt Nam. Chỉ thị đã **xác định đúng kẻ thù, chỉ đạo phương hướng đấu tranh chính xác, giúp nhân dân chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945**, góp phần làm nên thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

**14. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng trong cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một quyết định đúng thời cơ.**

##### 1. Cơ sở lý luận về thời cơ cách mạng

Trong cách mạng, thời cơ được xem là thời điểm thuận lợi nhất để phát động quần chúng đấu tranh, nếu bỏ lỡ có thể làm mất lợi thế và khiến cách mạng gặp khó khăn.

**Một thời cơ cách mạng chín muồi cần đảm bảo các điều kiện:**

- **Kẻ thù suy yếu, rối loạn và không đủ khả năng chống đỡ.**
- **Lực lượng cách mạng đủ mạnh, quần chúng đã sẵn sàng hành động.**
- **Quốc tế có những biến động có lợi cho cách mạng.**

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 đã diễn ra **đúng thời điểm**, chớp thời cơ **ngàn năm có một** để giành thắng lợi nhanh chóng và ít tổn thất.

##### 2. Bối cảnh dẫn đến quyết định phát động Tổng khởi nghĩa

###### 2.1. Kẻ thù suy yếu, không còn khả năng kiểm soát

- **Ngày 9/3/1945**, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương. Tuy nhiên, đến giữa năm 1945, Nhật ngày càng suy yếu do:
  - Quân Đồng minh phản công mạnh mẽ ở Thái Bình Dương.
  - Nhân dân Việt Nam nổi dậy đấu tranh khắp nơi, đặc biệt là phong trào phá kho thóc cứu đói.
- **Ngày 15/8/1945**, Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Chính quyền tay sai Trần Trọng Kim **hoang mang, mất kiểm soát**.
- **Như vậy, kẻ thù không còn khả năng đối phó với một cuộc khởi nghĩa trên toàn quốc.**

###### 2.2. Lực lượng cách mạng đã sẵn sàng

- **Đảng đã chuẩn bị lực lượng kỹ càng từ trước:**
  - Xây dựng Mặt trận Việt Minh, tập hợp đông đảo nhân dân.

- Mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, phát triển lực lượng vũ trang.
- **Khởi nghĩa từng phần đã nổ ra và giành thắng lợi ở nhiều nơi (Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Quảng Ngãi...).**
- **Quần chúng sẵn sàng đứng lên** sau những năm tháng bị áp bức và nạn đói thảm khốc.

### 2.3. Tình hình quốc tế có lợi cho cách mạng

- **Quân Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương**, tạo khoảng trống quyền lực giúp cách mạng giành chính quyền mà không bị can thiệp từ bên ngoài.
- **Phong trào cách mạng thế giới phát triển**, các nước thuộc địa đấu tranh mạnh mẽ chống thực dân, phát xít.

□ **Tất cả các yếu tố này cho thấy thời cơ đã chín muồi để phát động Tổng khởi nghĩa.**

### 3. Quyết định phát động Tổng khởi nghĩa và thắng lợi nhanh chóng

#### 3.1. Quyết định kịp thời của Đảng

- **Ngày 13-15/8/1945**, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp tại Tân Trào, quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trên cả nước.
- **Ngày 16/8/1945**, Đại hội Quốc dân tại Tân Trào ủng hộ quyết định khởi nghĩa và thành lập Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh đứng đầu.

#### 3.2. Diễn biến thắng lợi của Tổng khởi nghĩa

- **Ngày 14-18/8/1945**: Nhiều địa phương khởi nghĩa thành công (Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam...).
- **Ngày 19/8/1945**: Khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội.
- **Ngày 23/8/1945**: Khởi nghĩa thành công ở Huế.
- **Ngày 25/8/1945**: Sài Gòn và Nam Bộ giành chính quyền.
- **Ngày 2/9/1945**, Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

□ **Cuộc Tổng khởi nghĩa chỉ diễn ra trong vòng 15 ngày và giành thắng lợi trên toàn quốc.**

### 4. Ý nghĩa của quyết định phát động Tổng khởi nghĩa đúng thời cơ

#### 4.1. Đảm bảo thắng lợi nhanh chóng, ít tổn thất

- Nếu khởi nghĩa quá sớm (khi Nhật chưa đầu hàng), lực lượng chưa đủ mạnh, có thể bị đàn áp.

- Nếu khởi nghĩa quá muộn (khi quân Đồng minh vào Đông Dương), có thể bị can thiệp, làm mất quyền tự chủ.
- Việc chớp đúng thời cơ giúp cách mạng giành thắng lợi **nhANH chóng và ít đổ máu**.

#### 4.2. Khẳng định tài lãnh đạo của Đảng

- Đảng đã **nhảy bẾN, quyết đoán**, nhận định đúng thời cơ và hành động kịp thời.
- **Khả năng tổ chức và lãnh đạo kiên định** đã giúp huy động sức mạnh toàn dân vào cuộc cách mạng.

#### 4.3. Đặt nền tảng cho sự phát triển của đất nước

- Lần đầu tiên, nhân dân Việt Nam **tự đứng lên giành độc lập**, không nhờ vào bất kỳ thế lực bên ngoài nào.
- **Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời**, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc.

#### 5. Kết luận

Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một **quyết định sáng suốt, đúng thời cơ**, giúp cách mạng giành thắng lợi nhanh chóng và ít tổn thất. Đây là **bài học lịch sử quan trọng về nghệ thuật chớp thời cơ trong đấu tranh cách mạng**, khẳng định vai trò lãnh đạo tài tình của Đảng và sức mạnh vĩ đại của nhân dân Việt Nam.

### 15. Anh/Chị hãy chứng minh: tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình và tính dân chủ được thể hiện trong cách mạng tháng Tám năm 1945.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc Việt Nam, không chỉ mang tính **cách mạng giải phóng dân tộc điển hình**, mà còn thể hiện sâu sắc **tính dân chủ**. Đây là sự kiện đánh dấu sự kết thúc của chế độ thực dân - phong kiến, mở ra một kỷ nguyên mới: **độc lập dân tộc và dân chủ nhân dân**.

#### 1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mang tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình

##### 1.1. Mục tiêu chủ yếu của Cách mạng Tháng Tám là giành độc lập dân tộc

- Trước năm 1945, nhân dân Việt Nam bị áp bức dưới ách thống trị của **thực dân Pháp, phát xít Nhật và phong kiến tay sai**.
- Mục tiêu cấp thiết nhất của cách mạng là **xóa bỏ ách thống trị ngoại bang, giành lại quyền độc lập cho dân tộc**.
- Khẩu hiệu đấu tranh xuyên suốt là: **"Đánh đuổi phát xít Nhật – giành độc lập dân tộc"**.

## 1.2. Kẻ thù chính của cách mạng là thực dân và phát xít

- Từ năm 1940, Nhật vào Đông Dương, biến Pháp thành tay sai.
- Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, độc chiếm Đông Dương.
- Ngày 15/8/1945, Nhật đầu hàng Đồng minh, tạo thời cơ để nhân dân Việt Nam đứng lên tự giải phóng mình.
- **Cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 là một cuộc đấu tranh trực tiếp chống chủ nghĩa thực dân và phát xít.**

## 1.3. Hình thức đấu tranh và lực lượng tham gia mang tính dân tộc rộng rãi

- Cuộc khởi nghĩa diễn ra dưới hình thức **Tổng khởi nghĩa toàn dân**, không chỉ dựa vào đấu tranh vũ trang mà còn kết hợp đấu tranh chính trị.
- Lực lượng tham gia bao gồm **mọi tầng lớp nhân dân**: công nhân, nông dân, trí thức, học sinh, dân nghèo thành thị...
- **Mặt trận Việt Minh** đóng vai trò lãnh đạo, quy tụ sức mạnh của toàn dân tộc.

## 1.4. Kết quả của cuộc cách mạng là sự thành lập một nhà nước độc lập

- Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc **Tuyên ngôn Độc lập**, khai sinh nước **Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**, đánh dấu sự kết thúc ách thống trị của thực dân, phong kiến.
- Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, nhân dân Việt Nam tự đứng lên giành lại chính quyền mà không cần sự giúp đỡ từ bên ngoài.

□ Những yếu tố trên cho thấy Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, hoàn toàn do nhân dân Việt Nam thực hiện, với mục tiêu chính là giành lại độc lập từ ách thống trị của thực dân, phát xít.

## 2. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 mang tính dân chủ sâu sắc

### 2.1. Lật đổ chế độ phong kiến, xác lập nền dân chủ nhân dân

- Trước năm 1945, xã hội Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng của **chế độ phong kiến lâu đời**, với tầng lớp vua quan và địa chủ nắm quyền cai trị.
- Sau Cách mạng Tháng Tám, chính quyền phong kiến bị xóa bỏ hoàn toàn, thay thế bằng một nhà nước **dân chủ nhân dân**.
- Chính quyền mới do nhân dân lập nên, không còn chế độ quân chủ hay cai trị độc đoán.

### 2.2. Chính quyền mới đại diện cho toàn thể nhân dân

- Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập **không phục vụ lợi ích của riêng giai cấp nào**, mà đại diện cho **toàn thể nhân dân**.

- Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu **không phải một chính phủ phong kiến hay tư sản, mà là chính phủ cách mạng của nhân dân.**

### 2.3. Đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân

- Ngay sau khi giành chính quyền, Chính phủ lâm thời tổ chức **Tổng tuyển cử (6/1/1946)**, thực hiện nguyên tắc **bầu cử phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín**, cho phép mọi tầng lớp nhân dân tham gia.
- Lần đầu tiên trong lịch sử, **người dân Việt Nam có quyền tự quyết định vận mệnh của đất nước mình.**

### 2.4. Giải quyết những vấn đề dân sinh – dân chủ

- Xóa bỏ các luật lệ phong kiến và thực dân, ban hành các chính sách bảo vệ quyền lợi của nhân dân.
- **Chống nạn đói, chống mù chữ, thực hiện quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng.**
- **Xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân.**

□ **Tất cả những điều trên cho thấy Cách mạng Tháng Tám không chỉ mang tính giải phóng dân tộc, mà còn mang tính cách mạng dân chủ sâu sắc, mở ra một kỷ nguyên mới của nhân dân làm chủ đất nước.**

### 3. Kết luận

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 **mang tính cách mạng giải phóng dân tộc điển hình**, vì mục tiêu chính là đánh đổ thực dân, phát xít và giành lại độc lập cho đất nước. Đồng thời, đây cũng là **một cuộc cách mạng dân chủ**, vì nó đã xóa bỏ chế độ phong kiến, thiết lập một nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. **Sự kết hợp giữa hai tính chất này làm nên giá trị vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám trong lịch sử Việt Nam.**

## CHƯƠNG 2

**ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)**

**1. Anh/Chị hãy phân tích tình thế “Ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng 8 năm 1945 và chủ trương, sách lược của Đảng giải quyết tình thế khó khăn trên. (tham khảo câu 15 HD)**

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cách mạng Việt Nam rơi vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” do phải đối mặt với hàng loạt khó khăn và thách thức nghiêm trọng cả trong và ngoài nước. Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã đề ra những chủ trương, sách lược đúng đắn để bảo vệ nền độc lập non trẻ, vượt qua tình thế hiểm nghèo.

**1. Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” của cách mạng Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945**

Sau khi giành được chính quyền, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời phải đối mặt với bốn mối đe dọa lớn:

**a. Thù trong: Những khó khăn nội tại**

- **Chính quyền cách mạng còn non trẻ**, chưa có kinh nghiệm quản lý đất nước, bộ máy hành chính chưa hoàn thiện.
- **Nền kinh tế kiệt quệ**, hậu quả của chế độ thực dân phong kiến và nạn đói năm 1945 khiến sản xuất đình trệ, tài chính cạn kiệt, lạm phát gia tăng.
- **Nạn đói vẫn tiếp diễn**, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn.
- **Nạn mù chữ phổ biến**, hơn 90% dân số không biết chữ, gây trở ngại cho công cuộc xây dựng đất nước.
- **Các lực lượng phản động trong nước** như tay sai của thực dân Pháp, các phần tử thân Nhật, lực lượng Quốc dân đảng... nổi dậy chống phá chính quyền cách mạng.

**b. Giặc ngoại xâm: Nguy cơ từ các thế lực bên ngoài**

- **Quân Tưởng Giới Thạch kéo vào miền Bắc** (từ vĩ tuyến 16 trở ra) với danh nghĩa giải giáp quân Nhật, nhưng thực chất âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản và lập chính quyền thân Tưởng.
- **Thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Nam Bộ** (từ vĩ tuyến 16 trở vào) với dã tâm tái chiếm Đông Dương.
- **Quân Anh và quân Nhật tại miền Nam** tiếp tay cho Pháp tái chiếm Sài Gòn, tạo điều kiện cho quân Pháp tiến ra miền Trung và miền Bắc.
- **Các thế lực đế quốc quốc tế không ủng hộ Việt Nam**, bởi chủ nghĩa thực dân vẫn còn mạnh, và các nước lớn chưa công nhận chính quyền cách mạng.

**=> Tình thế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vô cùng hiểm nghèo, có thể bị lật đổ bất cứ lúc nào nếu không có chiến lược đúng đắn.**



---

## 2. Chủ trương, sách lược của Đảng để vượt qua tình thế hiểm nghèo

Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra đường lối linh hoạt, khéo léo để bảo vệ nền độc lập:

### a. Đối phó với quân Tưởng Giới Thạch và tay sai

- Thực hiện **sách lược hòa hoãn**, tránh đối đầu trực tiếp với quân Tưởng.
- Nhượng bộ một số quyền lợi nhỏ cho các đảng phái thân Tưởng (Việt Quốc, Việt Cách) như cho họ tham gia chính phủ, Quốc hội.
- Kiên quyết **giữ vững chính quyền cách mạng** và từng bước vô hiệu hóa các hoạt động phá hoại của tay sai Tưởng.

### b. Đối phó với thực dân Pháp ở miền Nam

- Tạm thời **hòa hoãn với Pháp**, ký Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946, sau đó là Tạm ước 14/9/1946 để kéo dài thời gian chuẩn bị lực lượng.
- Tiếp tục củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng kháng chiến và phát động phong trào yêu nước chống Pháp.

### c. Giải quyết khó khăn kinh tế - xã hội

- **Chống nạn đói** bằng khẩu hiệu: "Không một tấc đất bỏ hoang, không một người thiếu cơm ăn". Tổ chức phong trào tăng gia sản xuất, lập hũ gạo cứu đói.
- **Chống nạn mù chữ** bằng phong trào Bình dân học vụ, kêu gọi toàn dân học chữ.
- **Củng cố chính quyền**, tổ chức tổng tuyển cử (6/1/1946) bầu Quốc hội, xây dựng Hiến pháp năm 1946.

### d. Đối ngoại linh hoạt

- Kiên trì nguyên tắc **độc lập, tự chủ nhưng linh hoạt** để tranh thủ thời gian xây dựng lực lượng.
- Ký kết hiệp định với Pháp để đẩy quân Tưởng về nước, đồng thời lợi dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn để bảo vệ nền độc lập.

---

## 3. Kết quả và ý nghĩa

- Đảng và Chính phủ đã vượt qua tình thế hiểm nghèo, bảo vệ được chính quyền cách mạng trong giai đoạn 1945-1946.
- Huy động được sức mạnh toàn dân, từng bước khắc phục nạn đói, nạn mù chữ, củng cố chính quyền non trẻ.

- Kéo dài thời gian để chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến chống Pháp sau này.

=> **Tình thế hiểm nghèo được hóa giải nhờ sự lãnh đạo tài tình của Đảng, đường lối đúng đắn và tinh thần đoàn kết của nhân dân.** Đây là bài học quý báu về nghệ thuật lãnh đạo và sách lược mềm dẻo trong thời kỳ cách mạng.

---

## Kết luận

Tình thế “ngàn cân treo sợi tóc” sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đặt ra những thách thức sống còn đối với nền độc lập dân tộc. Tuy nhiên, nhờ đường lối chính trị đúng đắn, sách lược linh hoạt và tinh thần đoàn kết của toàn dân, Đảng đã lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn, giữ vững chính quyền và tạo tiền đề cho cuộc kháng chiến chống Pháp sau này.

## 2. Theo anh/chị, trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần phát huy bài học kinh nghiệm gì từ sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946?

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp, với cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, hội nhập kinh tế sâu rộng và sự tác động của các vấn đề toàn cầu như an ninh, môi trường, công nghệ... Trong bối cảnh đó, Việt Nam có thể phát huy nhiều bài học kinh nghiệm từ sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946 để bảo vệ lợi ích quốc gia và phát triển đất nước. Dưới đây là một số bài học quan trọng:

---

### 1. Giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong đối ngoại

- Thời kỳ 1945-1946, Đảng ta kiên trì nguyên tắc **“dĩ bất biến, ứng vạn biến”**, lấy độc lập dân tộc làm nền tảng, nhưng linh hoạt trong sách lược để đối phó với các thế lực quốc tế.
- Hiện nay, Việt Nam tiếp tục kiên định chính sách **độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa** quan hệ quốc tế, không phụ thuộc vào bất kỳ nước nào. Nguyên tắc này giúp Việt Nam tránh bị cuốn vào cạnh tranh giữa các nước lớn, đồng thời giữ vững chủ quyền quốc gia.

---

### 2. Linh hoạt, khéo léo trong sách lược ngoại giao

- Năm 1946, để tránh cùng lúc đối đầu với nhiều thế lực, Việt Nam đã tạm thời hòa hoãn với Pháp, nhân nhượng với quân Tưởng để kéo dài thời gian củng cố lực lượng.

- Ngày nay, Việt Nam áp dụng chính sách **cân bằng quan hệ với các nước lớn**, tham gia nhiều tổ chức quốc tế, ký kết các hiệp định thương mại tự do với cả phương Tây và châu Á. Điều này giúp Việt Nam tranh thủ hợp tác, phát triển kinh tế mà không bị phụ thuộc vào bất kỳ đối tác nào.

---

### 3. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ quốc tế

- Trong giai đoạn 1945-1946, dù đối mặt với nhiều thế lực thù địch, Đảng ta vẫn khéo léo tận dụng mâu thuẫn giữa các nước lớn để bảo vệ chính quyền non trẻ.
- Hiện nay, Việt Nam cần tiếp tục phát huy chiến lược **"làm bạn với tất cả"**, duy trì quan hệ tốt với các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga, EU... Đồng thời, tích cực tham gia các diễn đàn khu vực và quốc tế như ASEAN, Liên Hợp Quốc để nâng cao vị thế quốc gia.

---

### 4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Năm 1945, Đảng ta huy động sức mạnh toàn dân để bảo vệ độc lập, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ từ phong trào hòa bình thế giới.
- Ngày nay, Việt Nam cần tiếp tục phát huy sức mạnh đoàn kết dân tộc, kết hợp với xu thế toàn cầu hóa, chuyển đổi số, và cách mạng công nghiệp 4.0 để thúc đẩy sự phát triển bền vững.

---

### 5. Giữ vững chủ quyền, nhưng tránh đối đầu trực diện

- Thời kỳ 1945-1946, dù gặp nhiều áp lực, Đảng ta vẫn kiên quyết bảo vệ nền độc lập, nhưng không chọn cách đối đầu trực tiếp khi chưa đủ lực lượng.
- Hiện nay, trong vấn đề Biển Đông, Việt Nam kiên trì nguyên tắc **giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế**, vừa đấu tranh bảo vệ chủ quyền vừa duy trì quan hệ ổn định với các nước.

---

### Kết luận

Sách lược ngoại giao của Đảng thời kỳ 1945-1946 đã để lại nhiều bài học quý giá cho Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Việc giữ vững **độc lập, tự chủ**, linh hoạt trong ngoại giao, tranh thủ tối đa sự ủng hộ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và bảo vệ chủ quyền một cách khéo léo sẽ giúp Việt Nam tiếp tục phát triển bền vững, giữ vững ổn định và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

### 3. Anh/Chị hãy phân tích nội dung cơ bản của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) để làm rõ đây là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt. (tham khảo câu 19 HD và phần trả lời)

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (họp từ ngày 11 đến 19/2/1951 tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang) diễn ra trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bước vào giai đoạn quyết định. Đây là đại hội quan trọng, đánh dấu một bước tiến mới của Đảng trên cả ba mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, tạo tiền đề cho thắng lợi của cuộc kháng chiến.

---

#### 1. Hoàn cảnh lịch sử của Đại hội

- **Quốc tế:** Thế giới có những chuyển biến quan trọng với sự lớn mạnh của phe xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc, Đông Âu), tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam.
- **Trong nước:** Cuộc kháng chiến chống Pháp bước vào giai đoạn ác liệt, đòi hỏi Đảng phải có sự điều chỉnh chiến lược phù hợp để lãnh đạo toàn dân giành thắng lợi.

---

#### 2. Nội dung cơ bản của Đại hội – Những bước tiến mới của Đảng

##### a. Về chính trị: Xác định rõ con đường cách mạng

- Đại hội khẳng định cách mạng Việt Nam là **cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân**, tiếp tục tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp để giành độc lập hoàn toàn.
- Xác định nhiệm vụ chủ yếu là **kháng chiến thắng lợi và kiến quốc**, kết hợp đấu tranh vũ trang với phát triển kinh tế, văn hóa.

=> **Bước tiến mới:** Cách mạng Việt Nam được đặt trong xu thế quốc tế, với đường lối đấu tranh rõ ràng, phù hợp với tình hình.

---

##### b. Về tư tưởng: Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng

- Đại hội nêu rõ: Đảng là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam.
- Tiếp tục phát huy tư tưởng **tự lực cánh sinh, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mạnh của nhân dân**.

=> **Bước tiến mới:** Đảng khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến.

---

c. Về tổ chức: Thành lập Đảng Lao động Việt Nam

- Để phù hợp với tình hình mới, Đại hội quyết định **đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam**.
- Thành lập Mặt trận Liên Việt nhằm đoàn kết rộng rãi hơn các tầng lớp nhân dân trong kháng chiến.

=> **Bước tiến mới:** Sự điều chỉnh về tổ chức giúp Đảng có điều kiện hoạt động công khai hơn, mở rộng sức ảnh hưởng trong quần chúng.

---

d. Về công tác quân sự: Tăng cường đấu tranh vũ trang

- Đại hội nhấn mạnh cần đẩy mạnh chiến tranh nhân dân, tăng cường lực lượng quân đội và dân quân du kích.
- Đề ra phương châm: đánh lâu dài, kết hợp đánh du kích với đánh chính quy.

=> **Bước tiến mới:** Đường lối quân sự rõ ràng, giúp định hướng cho cuộc kháng chiến đạt hiệu quả cao hơn.

---

3. Ý nghĩa và tác động của Đại hội II

- Đánh dấu bước phát triển về **đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức** của Đảng.
- Củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, tập hợp sức mạnh toàn dân trong kháng chiến.
- Tạo tiền đề cho những thắng lợi quan trọng sau này, đặc biệt là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954.

---

Kết luận

Đại hội II năm 1951 là một sự kiện mang tính bước ngoặt, đánh dấu sự trưởng thành của Đảng trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp. Với những quyết định chiến lược đúng đắn về chính trị, tư tưởng và tổ chức, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đi đến thắng lợi, giành lại độc lập hoàn toàn cho dân tộc.

**4. Anh/Chị hãy phân tích những thuận lợi, khó khăn của tình hình quốc tế và trong nước sau ngày ký Hiệp định Giơnevơ năm (7-1954). Tình hình trên đặt ra yêu cầu bức thiết gì? (tham khảo câu 22 HD và trả lời)**

Hiệp định Giơnevơ ký ngày 21/7/1954 là một sự kiện quan trọng, đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng thời mở ra giai đoạn mới với những thuận lợi và thách thức to lớn. Tình hình quốc tế và trong nước sau Hiệp định đặt ra những nhiệm vụ cấp thiết cho cách mạng Việt Nam.

---

**1. Thuận lợi và khó khăn của tình hình quốc tế và trong nước sau Hiệp định Giơnevơ (1954)**

**a. Thuận lợi**

Về quốc tế:

- **Hệ thống xã hội chủ nghĩa mở rộng và phát triển:** Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN Đông Âu tiếp tục lớn mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam.
- **Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao:** Nhiều nước châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đấu tranh giành độc lập, góp phần ủng hộ Việt Nam.
- **Hiệp định Giơnevơ được ký kết:** Đây là thắng lợi lớn, chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp, tạo cơ hội hòa bình và tái thiết đất nước.

Về trong nước:

- **Miền Bắc hoàn toàn giải phóng:** Được xây dựng theo con đường chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương vững chắc cho cách mạng.
- **Uy tín của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh được nâng cao:** Nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng sau thắng lợi vẻ vang.
- **Lực lượng cách mạng lớn mạnh:** Chính quyền, quân đội và các tổ chức quần chúng ngày càng phát triển, tạo cơ sở để thực hiện nhiệm vụ mới.

---

**b. Khó khăn**

Về quốc tế:

- **Chiến tranh lạnh diễn ra gay gắt:** Mỹ đẩy mạnh chính sách ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản, can thiệp vào Việt Nam và Đông Dương.
- **Mâu thuẫn giữa các nước lớn ảnh hưởng đến Việt Nam:** Mỹ không ký Hiệp định Giơnevơ và công khai phá hoại việc thực hiện hiệp định.

Về trong nước:

- **Đất nước bị chia cắt hai miền:**
  - Miền Bắc vừa thoát khỏi chiến tranh, nền kinh tế kiệt quệ, cần tái thiết và xây dựng.
  - Miền Nam rơi vào sự kiểm soát của chính quyền Ngô Đình Diệm do Mỹ hậu thuẫn, trở thành tiền đồn chống cộng sản.
- **Mỹ can thiệp sâu vào miền Nam:** Mỹ không thi hành Hiệp định Giơnevơ, hắt cẳng Pháp, dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, đàn áp cách mạng, phá hoại hiệp thương tổng tuyển cử.
- **Tàn dư chiến tranh nặng nề:** Hàng triệu người dân ly tán, cơ sở hạ tầng bị phá hủy nghiêm trọng.
- **Lực lượng cách mạng tại miền Nam gặp nhiều khó khăn:** Chính quyền Ngô Đình Diệm thực hiện các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, đàn áp phong trào cách mạng.

## 2. Những yêu cầu bức thiết đặt ra

Trước tình hình mới, cách mạng Việt Nam phải giải quyết những nhiệm vụ cấp bách sau:

### a. Củng cố, phát triển miền Bắc thành hậu phương vững chắc

- Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, cải cách ruộng đất, phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- Xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường tiềm lực quốc phòng.

### b. Tiếp tục đấu tranh thống nhất đất nước

- Kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ, đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử.
- Đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, bảo vệ lực lượng cách mạng tại miền Nam.

### c. Đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam

- Tổ chức lại lực lượng, chuẩn bị cho giai đoạn đấu tranh mới.
- Xây dựng cơ sở bí mật, đấu tranh chống đàn áp của chính quyền Diệm.

### d. Mở rộng quan hệ đối ngoại

- Củng cố quan hệ với Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN để tranh thủ viện trợ.
- Vận động sự ủng hộ từ phong trào hòa bình thế giới.

## Kết luận

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Việt Nam bước vào một giai đoạn mới với cả thuận lợi và khó khăn đan xen. Trước tình hình đó, nhiệm vụ bức thiết là **xây dựng miền Bắc vững mạnh, đấu tranh thống nhất đất nước và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền Nam**. Đây là những quyết sách quan trọng để đưa đất nước tiến tới độc lập, thống nhất hoàn toàn.

### 5. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 – 1960).

Sau Hiệp định Giơnevơ (7-1954), cách mạng miền Nam Việt Nam bước vào giai đoạn mới, đối mặt với nhiều thách thức khi Mỹ hất cẳng Pháp, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm biến miền Nam thành căn cứ chống cộng. Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, tạo tiền đề cho phong trào Đồng Khởi năm 1960.

---

#### 1. Bối cảnh lịch sử và tình thế cách mạng miền Nam (1954 – 1959)

##### a. Tình hình quốc tế

- **Mỹ thực hiện chiến lược chống cộng toàn cầu** trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh diễn ra căng thẳng.
- **Hệ thống xã hội chủ nghĩa phát triển**, nhưng Mỹ và các nước phương Tây gia tăng chính sách ngăn chặn, cô lập các nước XHCN.

##### b. Tình hình trong nước

###### Miền Bắc:

- Được giải phóng hoàn toàn, bắt đầu công cuộc khôi phục kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trở thành hậu phương cho cách mạng.

###### Miền Nam:

- Mỹ can thiệp sâu vào miền Nam, dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm với chính sách "**tố cộng**", "**diệt cộng**" nhằm tiêu diệt cách mạng.
- Chúng **phá hoại Hiệp định Giơnevơ**, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử, đàn áp phong trào yêu nước.
- Lực lượng cách mạng miền Nam rơi vào tình thế khó khăn, buộc phải tìm cách đấu tranh để tồn tại.

---

#### 2. Giai đoạn giữ gìn và phát triển lực lượng (1954 – 1959)



a. Chủ trương ban đầu của Đảng (1954 – 1957)

- Đảng chủ trương **đấu tranh chính trị**, giữ vững lực lượng cách mạng theo Hiệp định Giơnevơ.
- Chỉ đạo **đấu tranh đòi tổng tuyển cử, tố cáo Mỹ - Diệm vi phạm hiệp định**, kết hợp với các phong trào đấu tranh quần chúng.

b. Khó khăn và thất bại của đấu tranh chính trị

- Chính quyền Diệm đàn áp khốc liệt, tiến hành **chiến dịch "tố cộng, diệt cộng"**, khủng bố hàng loạt cán bộ, đảng viên.
- Hệ thống cơ sở cách mạng bị phá vỡ nghiêm trọng, nhiều phong trào đấu tranh chính trị bị dập tắt.

=> **Tình hình buộc Đảng phải tìm một phương thức đấu tranh mới.**

---

3. Chuyển hướng từ giữ gìn lực lượng sang tiến công (1959 – 1960)

a. Hội nghị Trung ương 15 (1-1959) – Bước ngoặt quyết định

- Nhận định **con đường hòa bình không thể thực hiện được**, Mỹ - Diệm ngày càng đàn áp khốc liệt.
- Chủ trương **đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị**, đẩy mạnh cách mạng miền Nam.
- Xác định **con đường cách mạng bạo lực** để giải phóng miền Nam.

b. Phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960) – Bước tiến lớn

- Bùng nổ tại **Bến Tre (1-1960)**, sau đó lan rộng ra toàn miền Nam.
- Hình thành **các khu căn cứ cách mạng**, đẩy mạnh chiến tranh du kích.
- Giáng đòn mạnh vào chính quyền Ngô Đình Diệm, buộc Mỹ phải điều chỉnh chiến lược tại miền Nam.

---

4. Kết quả và ý nghĩa của sự chuyển hướng

- Đưa cách mạng miền Nam từ thế phòng ngự sang thế chủ động tiến công.
- Tạo tiền đề cho sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (12-1960).
- Đặt nền móng cho cuộc đấu tranh vũ trang giải phóng miền Nam, tiến tới cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975.

---

Kết luận

Quá trình Đảng lãnh đạo chuyển hướng cách mạng miền Nam từ giữ gìn lực lượng sang tiến công (1954 – 1960) là một quyết sách mang tính bước ngoặt, phù hợp với tình hình thực tiễn. Với Hội nghị Trung ương 15 và phong trào Đồng Khởi, cách mạng miền Nam bước vào giai đoạn đấu tranh vũ trang quyết liệt, mở đường cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi đến thắng lợi hoàn toàn.

**6. Anh/Chị hãy phân tích nội dung Đại hội III (tháng 9-1960) để làm sáng tỏ đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà.**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (tháng 9-1960) là một sự kiện quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam. Đại hội đã xác định rõ đường lối cách mạng trong giai đoạn mới với hai nhiệm vụ chiến lược: **Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.** Đây là Đại hội có ý nghĩa đặc biệt, thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trong việc định hướng phát triển đất nước.

---

1. Bối cảnh lịch sử của Đại hội III (1960)

a. Tình hình quốc tế

- Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển mạnh, Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN Đông Âu là chỗ dựa quan trọng của cách mạng Việt Nam.
- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới dâng cao, đặc biệt ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh.
- Tuy nhiên, Chiến tranh Lạnh diễn ra gay gắt, Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào miền Nam Việt Nam và các nước Đông Nam Á.

b. Tình hình trong nước

- **Miền Bắc được giải phóng hoàn toàn (1954), bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội** nhưng còn nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội, cơ sở hạ tầng.
- **Miền Nam rơi vào ách thống trị của Mỹ - Diệm**, phong trào cách mạng bị đàn áp, buộc phải chuyển sang đấu tranh vũ trang với phong trào Đồng Khởi (1959 – 1960).
- **Đòi hỏi một đường lối rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tiễn của đất nước.**

---

2. Nội dung chính của Đại hội III

a. Xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

- **Nhiệm vụ của miền Bắc:** Xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương vững chắc cho miền Nam.
- **Nhiệm vụ của miền Nam:** Tiếp tục đấu tranh giải phóng dân tộc, tiến tới thống nhất đất nước.

=> Đại hội khẳng định: **Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết, trong đó miền Bắc là nền tảng, quyết định sự nghiệp cách mạng cả nước.**

---

#### b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc

Đại hội xác định miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội với ba nhiệm vụ chủ yếu:

1. **Cải tạo xã hội chủ nghĩa:** Tiến hành cải tạo nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp theo hướng tập thể hóa, quốc hữu hóa.
2. **Phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội:**
  - Đẩy mạnh công nghiệp hóa, phát triển kinh tế nhiều thành phần nhưng theo định hướng xã hội chủ nghĩa.
  - Phát triển giáo dục, y tế, nâng cao đời sống nhân dân.
3. **Củng cố quốc phòng, bảo vệ miền Bắc:** Xây dựng quân đội chính quy, tăng cường tiềm lực quốc phòng để bảo vệ thành quả cách mạng.

---

#### c. Đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước

- Khẳng định **Mỹ là kẻ thù chính** của nhân dân Việt Nam.
- Tiếp tục **con đường cách mạng bạo lực**, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang kết hợp đấu tranh chính trị.
- Ủng hộ **Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam** (thành lập 12/1960) để tập hợp lực lượng kháng chiến.
- Xây dựng miền Bắc vững mạnh để hỗ trợ cuộc đấu tranh của miền Nam.

---

#### d. Về công tác xây dựng Đảng

- Đề cao vai trò lãnh đạo của Đảng trong cách mạng hai miền.
- Củng cố tổ chức Đảng, phát triển đảng viên, nâng cao trình độ lý luận và thực tiễn của cán bộ, đảng viên.

---

### 3. Ý nghĩa của Đại hội III

- **Khẳng định vai trò quyết định của miền Bắc đối với sự nghiệp cách mạng cả nước.**
- **Định hướng đúng đắn cho cách mạng miền Nam**, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ bước vào giai đoạn mới.
- **Tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài của đất nước**, đặt nền móng cho quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

---

## Kết luận

Đại hội III (1960) là cột mốc quan trọng trong lịch sử Việt Nam, xác định rõ **hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà**. Đại hội đánh dấu một bước ngoặt trong quá trình phát triển của cách mạng, khẳng định sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng trên con đường giành độc lập, tự do cho dân tộc.

**7. Anh/Chị hãy phân tích nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) và rút ra ý nghĩa lịch sử.**

Năm 1965, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bước vào giai đoạn cam go khi Mỹ chính thức đưa quân viễn chinh vào miền Nam và mở rộng chiến tranh ra miền Bắc. Trước tình hình đó, Đảng Lao động Việt Nam đã triệu tập **Hội nghị Trung ương 11 (3-1965) và Hội nghị Trung ương 12 (12-1965)** để đề ra đường lối đấu tranh phù hợp với tình hình mới. Những quyết sách tại hai hội nghị này đã đặt nền móng quan trọng cho cuộc kháng chiến chống Mỹ đi đến thắng lợi.

---

## 1. Bối cảnh lịch sử

### a. Tình hình quốc tế

- Chiến tranh Lạnh tiếp tục diễn biến phức tạp, đặc biệt ở khu vực châu Á.
- Mỹ đẩy mạnh chiến lược toàn cầu nhằm ngăn chặn sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.
- Các nước xã hội chủ nghĩa tiếp tục ủng hộ Việt Nam nhưng cũng gặp những mâu thuẫn nội bộ, ảnh hưởng đến sự viện trợ.

### b. Tình hình trong nước

#### Miền Bắc:

- Bị Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân (từ tháng 2-1965).
- Tiếp tục làm nhiệm vụ hậu phương lớn cho miền Nam.

Miền Nam:

- Mỹ thay đổi chiến lược, tiến hành "**Chiến tranh cục bộ**", trực tiếp đưa quân viễn chinh Mỹ và quân đồng minh vào tham chiến.
- Quân đội Sài Gòn đẩy mạnh các cuộc hành quân tìm diệt nhằm tiêu diệt lực lượng cách mạng.

=> **Đòi hỏi Đảng phải có đường lối mới để ứng phó với tình hình cấp bách này.**

---

## 2. Nội dung Hội nghị Trung ương 11 (3-1965)

- Hội nghị nhận định Mỹ đã chuyển từ "**Chiến tranh đặc biệt**" sang "**Chiến tranh cục bộ**", đưa quân viễn chinh vào miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc.
- Xác định **mục tiêu cơ bản của cách mạng Việt Nam là đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, bảo vệ miền Bắc và đẩy mạnh đấu tranh ở miền Nam.**
- Khẳng định **con đường cách mạng bạo lực**: tiếp tục kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, "**đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính**".
- Chủ trương phát triển lực lượng vũ trang, **mở các chiến dịch lớn để giáng đòn mạnh vào quân Mỹ.**

---

## 3. Nội dung Hội nghị Trung ương 12 (12-1965)

- Hội nghị đánh giá sau 9 tháng thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 11, cách mạng đã giành được những thắng lợi quan trọng, nhưng Mỹ vẫn tiếp tục leo thang chiến tranh.
- Xác định mục tiêu tiếp theo:
  1. **Chiến lược tiến công**: Chủ động **tổ chức các trận đánh lớn** để tiêu diệt lực lượng Mỹ và đồng minh.
  2. **Chiến tranh nhân dân phát triển trên cả ba vùng chiến lược**: đô thị, nông thôn đồng bằng và miền núi.
  3. **Củng cố miền Bắc**, vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại.
  4. **Kêu gọi sự ủng hộ của bạn bè quốc tế**, tranh thủ sự giúp đỡ từ Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN khác.

=> Hội nghị xác định rõ: **Cách mạng miền Nam nhất định thắng lợi nếu kiên trì đường lối kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mạnh của nhân dân.**

---

#### 4. Ý nghĩa lịch sử của hai Hội nghị

- **Thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng** trong giai đoạn kháng chiến chống Mỹ đầy cam go.
- **Khẳng định quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ**, bác bỏ mọi âm mưu thỏa hiệp.
- **Tạo cơ sở vững chắc cho những thắng lợi sau này**, đặc biệt là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.
- **Định hướng cho cách mạng miền Bắc tiếp tục làm hậu phương vững chắc**, đảm bảo thắng lợi lâu dài.

---

#### Kết luận

Hội nghị Trung ương 11 và 12 năm 1965 đã đề ra đường lối kháng chiến đúng đắn, quyết tâm đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ. Những quyết sách tại hai hội nghị này không chỉ giúp bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc đấu tranh ở miền Nam, mà còn khẳng định ý chí kiên cường của dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

#### 8. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc (1965-1968). Trình bày kết quả và ý nghĩa lịch sử. (trang 209 giáo trình)

Từ năm 1965 đến 1968, để ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam, đế quốc Mỹ tiến hành **chiến tranh phá hoại lần thứ nhất** bằng không quân và hải quân. Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã đề ra chủ trương đúng đắn, lãnh đạo toàn dân vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa chi viện cho miền Nam. Nhờ những quyết sách kịp thời, miền Bắc đã trụ vững trước cuộc chiến tranh ác liệt, tiếp tục phát huy vai trò hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

---

#### 1. Bối cảnh lịch sử

##### a. Âm mưu và hành động của Mỹ

- Từ tháng 2/1965, Mỹ mở chiến dịch "Mũi tên lửa" (Flaming Dart), chính thức phát động chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc Việt Nam.
- Mục tiêu của Mỹ:
  - Hủy diệt tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.
  - Ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.
  - Gây sức ép buộc ta phải đàm phán theo điều kiện có lợi cho Mỹ.

- Mỹ sử dụng các loại vũ khí hiện đại, kể cả bom bi, bom napalm, chất độc hóa học, tập trung đánh phá các thành phố, khu công nghiệp, cầu đường, bến cảng...

#### b. Tình hình miền Bắc

- Đứng trước cuộc chiến tranh phá hoại, miền Bắc gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về sản xuất, giao thông, đời sống nhân dân.
- Đòi hỏi một chủ trương đúng đắn để bảo vệ miền Bắc, đảm bảo vai trò hậu phương vững chắc cho cuộc kháng chiến.

---

### 2. Chủ trương của Đảng về xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của Mỹ

#### a. Kiên quyết bảo vệ miền Bắc, giữ vững vai trò hậu phương chiến lược

- Đảng xác định **vừa sản xuất, vừa chiến đấu** là nhiệm vụ trung tâm.
- Động viên toàn dân tham gia kháng chiến, phát huy sức mạnh của chiến tranh nhân dân.

#### b. Đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo đời sống và chi viện cho miền Nam

- Phát động phong trào thi đua **"Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt"**.
- Điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế:
  - **Nông nghiệp:** Chuyển hướng sản xuất theo mô hình phân tán, đẩy mạnh hợp tác xã, phát triển lương thực.
  - **Công nghiệp:** Di dời nhà máy, xí nghiệp quan trọng về vùng nông thôn và miền núi để tránh bị đánh phá.
  - **Giao thông vận tải:** Tăng cường lực lượng công nhân giao thông, sử dụng phương thức vận chuyển linh hoạt (đường mòn Hồ Chí Minh, vận tải thủy, đường sắt bí mật...).

#### c. Đẩy mạnh công tác phòng không, bảo vệ miền Bắc

- Xây dựng hệ thống phòng không nhân dân: **hầm hào, công sự, trận địa pháo cao xạ, lực lượng dân quân tự vệ...**
- Thành lập các lực lượng đặc nhiệm như **bộ đội tên lửa, không quân, hải quân, công binh...** để bảo vệ các mục tiêu trọng yếu.
- Xây dựng lực lượng không quân Việt Nam, trực tiếp tham chiến, đánh trả máy bay Mỹ.

#### d. Đẩy mạnh công tác đối ngoại

- Tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Trung Quốc, Cuba...).
- Lên án Mỹ trên các diễn đàn quốc tế, tố cáo tội ác chiến tranh.

---

### 3. Kết quả đạt được (1965-1968)

- **Bảo vệ vững chắc miền Bắc:** Mặc dù bị đánh phá ác liệt, miền Bắc vẫn trụ vững, không bị suy sụp.
- **Hạn chế được sức tàn phá của chiến tranh:** Nhờ chiến tranh nhân dân, ta đã bảo vệ được nhiều cơ sở kinh tế, quốc phòng quan trọng.
- **Chi viện mạnh mẽ cho miền Nam:** Hàng vạn tấn vũ khí, đạn dược, lương thực được chuyển vào chiến trường miền Nam qua tuyến đường Hồ Chí Minh.
- **Đánh bại chiến tranh phá hoại của Mỹ:** Quân và dân miền Bắc bắn rơi hơn 3.200 máy bay Mỹ, bắt sống nhiều phi công Mỹ, trong đó có **John McCain** (1967).
- **Gây tổn thất nặng nề cho Mỹ:** Mỹ buộc phải ngừng ném bom miền Bắc từ ngày **31/3/1968** và chấp nhận đàm phán tại Paris.

---

### 4. Ý nghĩa lịch sử

- **Khẳng định bản lĩnh và trí tuệ của Đảng:** Chủ trương đúng đắn đã giúp miền Bắc đứng vững trước một cuộc chiến tranh hủy diệt của Mỹ.
- **Bảo vệ được hậu phương vững chắc:** Đảm bảo vai trò chi viện cho cách mạng miền Nam, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung.
- **Thất bại của Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ":** Mỹ không thể ngăn chặn được sự chi viện của miền Bắc, buộc phải xuống thang chiến tranh.
- **Tạo tiền đề cho những thắng lợi tiếp theo:** Chiến tranh phá hoại lần thứ nhất thất bại đã tạo điều kiện để ta đẩy mạnh tiến công ở miền Nam, đặc biệt là trong Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968.

---

### Kết luận

Chủ trương của Đảng về **xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của Mỹ (1965-1968)** là một quyết sách đúng đắn, giúp miền Bắc trụ vững trước thử thách, giữ vững vai trò hậu phương chiến lược cho cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thành công này không chỉ góp phần quan trọng vào thắng lợi chung của dân tộc, mà còn chứng minh sức mạnh của chiến tranh nhân dân, lòng kiên trì và ý chí quật cường của nhân dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì độc lập, thống nhất đất nước.



**9. Anh/chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965-1968). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. (trang 213 giáo trình)**

Từ năm 1965, trước những thất bại trong chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961-1965), Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược "**Chiến tranh cục bộ**", đưa quân viễn chinh và quân đồng minh vào trực tiếp tham chiến tại miền Nam Việt Nam. Trước tình hình mới, Đảng ta đã đề ra đường lối lãnh đạo đúng đắn, chỉ đạo quân dân miền Nam tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, lần lượt đánh bại các chiến lược quân sự của Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh vào năm 1968.

---

**1. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ (1965-1968)**

- **Bản chất:** "Chiến tranh cục bộ" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, trong đó Mỹ trực tiếp đưa quân viễn chinh vào miền Nam, sử dụng vũ khí hiện đại nhằm nhanh chóng giành chiến thắng.
- **Lực lượng tham chiến:**
  - **Quân viễn chinh Mỹ:** Lúc cao nhất lên tới **54 vạn quân**.
  - **Quân đồng minh** (Nam Triều Tiên, Úc, Thái Lan, Philippines...): Gần **7 vạn quân**.
  - **Quân đội Sài Gòn:** Được Mỹ viện trợ tối đa về vũ khí và huấn luyện.
- **Chiến thuật chủ yếu:**
  - **Tìm diệt:** Tiến hành các cuộc hành quân lớn nhằm tiêu diệt chủ lực quân giải phóng.
  - **Bình định:** Kết hợp quân sự với chính trị, kinh tế nhằm kiểm soát vùng nông thôn.
  - **Phá hoại miền Bắc:** Dùng không quân, hải quân đánh phá nhằm cắt đứt chi viện.
- **Mục tiêu:** Tiêu diệt lực lượng cách mạng, giành lại thế chủ động trên chiến trường, buộc ta phải chấp nhận đàm phán theo điều kiện có lợi cho Mỹ.

---

**2. Quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ**

**a. Chủ trương của Đảng**

Trước tình hình Mỹ ồ ạt đưa quân vào miền Nam, Đảng ta xác định:

- Tiếp tục thực hiện **chiến lược chiến tranh nhân dân**, kết hợp ba mũi giáp công: **quân sự, chính trị, binh vận**.
- Đẩy mạnh tác chiến quy mô lớn nhằm tiêu diệt sinh lực Mỹ, **chuyển từ thế phòng ngự sang thế tiến công**.

- Phát huy thế mạnh chiến tranh nhân dân, kết hợp đấu tranh trên cả ba vùng chiến lược: **rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị**.
- Đẩy mạnh phong trào **đấu tranh chính trị** và **phá ấp chiến lược**, làm thất bại kế hoạch "bình định" của địch.

#### b. Những chiến thắng lớn trên chiến trường (1965-1968)

Chiến thắng Vạn Tường (8/1965) – mở đầu cao trào "tìm Mỹ mà đánh"

- Ngày 18/8/1965, Mỹ huy động hơn 9.000 quân tổ chức trận càn quy mô lớn vào Vạn Tường (Quảng Ngãi), một căn cứ quan trọng của ta.
- **Kết quả:** Quân dân ta tiêu diệt hơn **900 tên địch**, bắn cháy nhiều xe tăng, máy bay.
- **Ý nghĩa:**
  - Đây là trận đánh lớn đầu tiên giữa quân ta và quân Mỹ.
  - Khẳng định **ta có thể đánh bại Mỹ ngay từ đầu**, tạo khí thế tiến công mạnh mẽ trên toàn chiến trường.

Phong trào "tìm Mỹ mà đánh, lùng Ngụy mà diệt" (1965-1967)

- Phong trào diễn ra trên khắp miền Nam, tiêu biểu là các trận đánh lớn ở **Plây Me (1965), Bàu Bàng, Dương Minh Châu (1966), Đắc Tô - Tân Cảnh (1967)...**
- Các trận đánh tiêu diệt hàng ngàn lính Mỹ và quân Sài Gòn, làm thất bại các cuộc hành quân quy mô lớn của địch.

Chiến thắng trong hai mùa khô (1965-1967)

- **Mùa khô 1965-1966:** Mỹ huy động **44 vạn quân**, mở **450 cuộc hành quân**, tập trung đánh vào căn cứ cách mạng. → **Thất bại**.
- **Mùa khô 1966-1967:** Mỹ tiếp tục đưa quân lên **48 vạn**, mở hơn **895 cuộc hành quân** với các trận càn quét quy mô lớn. → **Vẫn không tiêu diệt được lực lượng chủ lực của ta**.

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968) – Đòn quyết định làm phá sản "Chiến tranh cục bộ"

- Ngày 30/1/1968, ta đồng loạt tiến công vào **64/64 tỉnh, 4/4 thành phố lớn và 50 thị xã**.
- Đặc biệt, ta đã **đánh thẳng vào Sài Gòn**, chiếm giữ nhiều vị trí quan trọng như Đại sứ quán Mỹ, Bộ Tổng tham mưu quân đội Sài Gòn.
- **Kết quả:**
  - Ta tiêu diệt hàng chục nghìn tên địch, làm rung động bộ máy chính quyền Sài Gòn.

- Mỹ nhận ra không thể giành chiến thắng bằng quân sự, buộc phải tuyên bố **"phi Mỹ hóa" chiến tranh, xuống thang chiến tranh.**

---

### 3. Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng

#### a. Thành công

- **Xác định đúng đắn phương hướng chiến lược:** Từ phòng ngự chuyển sang tiến công, làm chủ chiến trường.
- **Chỉ đạo linh hoạt trong từng giai đoạn:** Từ trận Vạn Tường đến các mùa khô và Tết Mậu Thân, Đảng đã có sự điều chỉnh phù hợp.
- **Phát huy thế mạnh chiến tranh nhân dân:** Kết hợp đấu tranh vũ trang, chính trị, binh vận một cách hiệu quả.
- **Tạo bước ngoặt quan trọng:** Buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, mở đường cho sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn sau này.

#### b. Hạn chế

- Trong Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, ta đánh giá chưa chính xác **khả năng nổi dậy của quần chúng tại đô thị**, dẫn đến những tổn thất lớn sau đợt tiến công.

---

### 4. Kết luận

Giai đoạn 1965-1968 là một thời kỳ quan trọng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, quân và dân miền Nam đã lần lượt đánh bại các chiến lược quân sự của Mỹ, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ", tạo tiền đề cho những thắng lợi tiếp theo. **Thắng lợi này không chỉ làm lung lay ý chí xâm lược của Mỹ mà còn đưa cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn quyết định, tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam vào năm 1975.**

**10. Anh/Chị hãy trình bày quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969-1975). Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn này. (cuối trang 223 giáo trình)**

Từ năm 1969, sau thất bại của chiến lược **"Chiến tranh cục bộ"**, Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược **"Việt Nam hóa chiến tranh"**, nhằm giảm dần sự tham chiến trực tiếp của quân đội Mỹ, trao gánh nặng chiến tranh cho chính quyền Sài Gòn. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta đã từng bước đánh bại chiến lược này, tiến tới **giải phóng hoàn toàn miền Nam vào năm 1975.**

---

## 1. Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ (1969-1973)

- **Bản chất:** "Việt Nam hóa chiến tranh" là hình thức chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, trong đó Mỹ tìm cách **rút dần quân**, nhưng vẫn **duy trì sự thống trị** thông qua chính quyền Sài Gòn.
- **Nội dung chủ yếu:**
  - **Tăng cường viện trợ quân sự, tài chính** cho chính quyền Sài Gòn, nhằm biến quân đội Sài Gòn thành lực lượng chủ chốt.
  - **Mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia** để chặn đứng đường tiếp tế của ta.
  - **Tiếp tục đàm phán tại Hội nghị Paris**, nhưng vẫn gây sức ép quân sự để ép ta nhượng bộ.
  - **Sử dụng không quân, hải quân** để đánh phá miền Bắc sau khi đã rút dần quân bộ khỏi miền Nam.
- **Mục tiêu:**
  - Giảm dần sự tham chiến của Mỹ, nhưng vẫn giữ miền Nam trong quỹ đạo của Mỹ.
  - Làm suy yếu lực lượng cách mạng, tạo thế mạnh cho chính quyền Sài Gòn.

---

## 2. Quá trình Đảng lãnh đạo quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969-1973)

### a. Chủ trương của Đảng

- **Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao.**
- **Tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang**, chuẩn bị cho những trận đánh lớn.
- **Mở rộng chiến tranh nhân dân**, đánh mạnh ở cả miền Nam và các chiến trường Đông Dương.
- **Đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Paris**, buộc Mỹ phải chấp nhận rút quân.

### b. Những chiến thắng quan trọng trên chiến trường

#### Chiến thắng Đường 9 - Nam Lào (1971)

- Mỹ và quân Sài Gòn mở chiến dịch Lam Sơn 719, tiến công Đường 9 - Nam Lào nhằm cắt đứt tuyến vận chuyển chiến lược của ta.
- **Kết quả:** Ta tiêu diệt hơn **20.000 tên địch**, bẻ gãy hoàn toàn chiến dịch.

#### Chiến thắng Quảng Trị (1972) – tạo đà trên bàn đàm phán

- Năm 1972, ta mở chiến dịch tấn công Quảng Trị, đánh chiếm tỉnh lỵ Quảng Trị và các cứ điểm quan trọng.
- **Ý nghĩa:** Buộc Mỹ phải quay lại bàn đàm phán, thúc đẩy ký kết Hiệp định Paris.

#### Hiệp định Paris 1973 – Mỹ rút khỏi Việt Nam

- Ngày **27/1/1973**, Hiệp định Paris được ký kết, trong đó Mỹ cam kết **rút toàn bộ quân về nước**, chấm dứt can thiệp quân sự ở Việt Nam.
- **Ý nghĩa:** Mỹ rút quân nhưng vẫn để lại chính quyền Sài Gòn, do đó ta tiếp tục đấu tranh để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

### 3. Tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973-1975)

#### a. Chủ trương của Đảng sau Hiệp định Paris

- **Tiếp tục tiến công trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao.**
- **Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang ở cả miền Nam và miền Bắc.**
- **Chuẩn bị phương án giải phóng miền Nam bằng quân sự.**

#### b. Chiến dịch Tây Nguyên – mở đầu cuộc Tổng tiến công (3/1975)

- Ngày **10/3/1975**, ta mở chiến dịch Tây Nguyên, tấn công thị xã **Buôn Ma Thuột**.
- **Kết quả:** Chỉ sau **một tuần**, Tây Nguyên hoàn toàn giải phóng, mở đường cho cuộc Tổng tiến công.

#### c. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng (3-4/1975) – tiến nhanh ra miền Trung

- Ngày **21/3/1975**, ta mở cuộc tấn công Huế, giải phóng hoàn toàn cố đô vào **25/3**.
- Ngày **29/3/1975**, ta giải phóng Đà Nẵng, tiêu diệt phần lớn quân chủ lực của địch.

#### d. Chiến dịch Hồ Chí Minh – Giải phóng Sài Gòn (4/1975)

- Ngày **26/4/1975**, ta mở Chiến dịch Hồ Chí Minh, đánh thẳng vào Sài Gòn.
- Ngày **30/4/1975**, quân ta tiến vào Dinh Độc Lập, **Tổng thống Dương Văn Minh đầu hàng vô điều kiện**.
- **Kết quả:** Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất.

### 4. Đánh giá sự chỉ đạo của Đảng trong giai đoạn 1969-1975

#### a. Thành công

- **Xác định đúng chiến lược và phương pháp đấu tranh:** Kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao một cách hiệu quả.
- **Khai thác tốt thời cơ:** Tận dụng sự suy yếu của Mỹ sau Hiệp định Paris, đẩy nhanh tổng tiến công vào năm 1975.
- **Chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo:** Từ đấu tranh kiên trì giai đoạn 1969-1973 đến quyết liệt tấn công giải phóng hoàn toàn miền Nam 1975.
- **Bố trí lực lượng hợp lý:** Đảm bảo thắng lợi trong từng trận đánh quan trọng.

#### b. Hạn chế

- Trong một số trận đánh (Huế 1968, Quảng Trị 1972), ta chưa dự báo chính xác phản ứng của Mỹ, dẫn đến một số tổn thất không cần thiết.

---

### 5. Kết luận

Giai đoạn 1969-1975 là **giai đoạn quyết định** của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân dân ta đã đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", tiến tới giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. **Thắng lợi này không chỉ là kết quả của sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, mà còn là biểu tượng vĩ đại của tinh thần chiến đấu kiên cường của nhân dân Việt Nam.**

**11. Từ thực tiễn lãnh đạo cách mạng thời kỳ 1954 – 1975, Đảng ta rút ra những kinh nghiệm gì? Hãy phân tích một kinh nghiệm anh/chị tâm đắc nhất. (tham khảo câu 27 HĐ)**

Giai đoạn **1954 – 1975** là thời kỳ Đảng ta lãnh đạo cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều thử thách cam go, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, tiến tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Từ thực tiễn lãnh đạo trong thời kỳ này, Đảng đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, góp phần định hướng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau này.

---

#### 1. Những kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng thời kỳ 1954 – 1975

##### a. Giữ vững và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng

- Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất có khả năng **tập hợp toàn dân tộc, đề ra đường lối đúng đắn, tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến đến thắng lợi.**
- Đảng kiên định mục tiêu **giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội**, không dao động trước mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù.

##### b. Kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao

- Đảng đã vận dụng sáng tạo **ba mũi giáp công** (chính trị - quân sự - ngoại giao), vừa đánh địch trên chiến trường, vừa đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, vừa phát huy sức mạnh của quần chúng.
- Điển hình là **Hiệp định Geneva (1954)** và **Hiệp định Paris (1973)**, buộc đối phương phải xuống thang chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

c. Nắm bắt thời cơ, đề ra chiến lược và sách lược phù hợp

- Đảng luôn theo sát tình hình thực tiễn để **chuyển hướng chiến lược kịp thời**. Ví dụ:
  - Từ giữ gìn lực lượng (1954 – 1960) sang tiến công cách mạng (1960 – 1968).
  - Từ đánh bại "Việt Nam hóa chiến tranh" (1969 – 1973) sang giải phóng miền Nam (1975).
- Biết chớp thời cơ và hành động quyết đoán, điển hình là **Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975**, khi chính quyền Sài Gòn suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi để kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

d. Xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc

- Đảng đề cao **vai trò của nhân dân**, huy động tối đa sức mạnh từ nông dân, công nhân, trí thức, đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo,...
- Xây dựng **Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam**, hình thành chính quyền cách mạng ở miền Nam.

e. Xây dựng hậu phương vững mạnh ở miền Bắc

- Miền Bắc được xác định là **hậu phương vững chắc**, cung cấp nhân lực, vật lực cho miền Nam kháng chiến.
- Dù bị chiến tranh phá hoại, miền Bắc vẫn đảm bảo sản xuất, tiếp tế và chi viện, giúp chiến trường miền Nam trụ vững và phát triển.

f. Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

- Đảng luôn xác định **"tự lực cánh sinh" là chính**, đồng thời tận dụng sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế như Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.
- Chủ trương **đánh địch bằng chính sức mình**, không trông chờ hoàn toàn vào viện trợ.

---

## 2. Phân tích một kinh nghiệm tâm đắc nhất

Trong số những kinh nghiệm trên, **bài học về việc nắm bắt thời cơ, đề ra chiến lược và sách lược phù hợp** là bài học tôi tâm đắc nhất. Đây là yếu tố quyết định giúp cách mạng Việt Nam chuyển bại thành thắng, giành được những chiến công vang dội.

a. Ý nghĩa của việc nắm bắt thời cơ

- Trong lịch sử, **một cuộc cách mạng chỉ có thể thành công khi biết tận dụng thời cơ**, bởi nếu bỏ lỡ, tình thế có thể thay đổi bất lợi.
- Đảng ta đã chứng minh sự nhạy bén trong việc **chớp lấy thời cơ lịch sử**, biến nó thành lợi thế để tiến lên giành thắng lợi.

b. Ví dụ thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ

Chuyển hướng từ giữ gìn lực lượng sang tiến công cách mạng (1959-1960)

- Giai đoạn 1954-1959, Đảng chủ trương **giữ gìn lực lượng**, không vội vàng phát động chiến tranh khi lực lượng còn yếu.
- Đến năm 1959-1960, khi phong trào đấu tranh ở miền Nam lên cao, chính quyền Ngô Đình Diệm bộc lộ những mâu thuẫn sâu sắc, Đảng đã kịp thời **đề ra Nghị quyết 15 (1959)**, mở đường cho **phong trào Đồng khởi** bùng nổ, làm thay đổi cục diện chiến trường.

Nắm bắt thời cơ giải phóng miền Nam (1975)

- Sau Hiệp định Paris 1973, Mỹ rút quân, chính quyền Sài Gòn suy yếu, Đảng xác định đây là cơ hội thuận lợi để đẩy mạnh tiến công.
- Khi cuộc tiến công Tây Nguyên (3/1975) giành thắng lợi nhanh chóng, Đảng lập tức chỉ đạo **thần tốc tấn công Huế - Đà Nẵng** và tiến tới **Chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975)**, giải phóng hoàn toàn miền Nam trước kế hoạch ban đầu (dự kiến 1976).

c. Bài học rút ra cho hiện tại

Trong bối cảnh mới, bài học về **nắm bắt thời cơ, đề ra chiến lược phù hợp** vẫn còn nguyên giá trị:

- **Trong phát triển kinh tế:** Việt Nam cần nhạy bén tận dụng cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển bền vững.
- **Trong đối ngoại:** Việt Nam cần chủ động thích ứng trước những biến động quốc tế, tranh thủ hợp tác với các nước lớn nhưng vẫn giữ vững độc lập, tự chủ.
- **Trong quốc phòng – an ninh:** Cảnh giác trước những âm mưu diễn biến hòa bình, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, biển đảo, bảo vệ lợi ích quốc gia.



---

### 3. Kết luận

Giai đoạn 1954-1975 là một trong những thời kỳ hào hùng nhất trong lịch sử Việt Nam, để lại nhiều bài học sâu sắc. **Trong đó, bài học về nắm bắt thời cơ, đề ra chiến lược và sách lược phù hợp là yếu tố quyết định thắng lợi**, không chỉ trong kháng chiến mà còn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay.

## CHƯƠNG 3

### **ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)**

#### GIẢI

**1. Anh/Chị hãy trình bày đường lối phát triển kinh tế của Đảng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (12-1976). Qua đó nêu hạn chế của chủ trương này?**

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12 năm 1976), Đảng đã đề ra đường lối phát triển kinh tế cho giai đoạn mới, với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước sau khi đất nước thống nhất. Đường lối phát triển kinh tế được xác định dựa trên mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, với các nội dung chính sau:

#### **1. Mục tiêu chung:**

- Đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước, tạo nền tảng cho bước phát triển mới.
- Đưa miền Bắc tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời cải tạo và xây dựng miền Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa.
- Phấn đấu đến năm 1980, cơ bản hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và đưa nền kinh tế nước ta lên một trình độ mới.

#### **2. Các định hướng kinh tế quan trọng:**

- **Phát triển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung:** Nhà nước nắm vai trò chủ đạo trong việc quản lý và điều tiết nền kinh tế.
- **Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng:** Xác định công nghiệp nặng là mặt trận hàng đầu, giữ vai trò chủ đạo trong công cuộc công nghiệp hóa đất nước.
- **Cải tạo và phát triển nông nghiệp:** Tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng các hợp tác xã và nông trường quốc doanh nhằm nâng cao năng suất lao động và đảm bảo lương thực.

- **Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp và dịch vụ:** Xóa bỏ các thành phần kinh tế tư nhân, tư bản chủ nghĩa, thiết lập hệ thống thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã tiêu dùng.
- **Phát triển kinh tế địa phương và tăng cường quốc phòng:** Các địa phương cần phát huy thế mạnh, đồng thời kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng.

---

Hạn chế của đường lối phát triển kinh tế này

Mặc dù thể hiện quyết tâm xây dựng một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, đường lối kinh tế của Đại hội IV vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, dẫn đến những khó khăn nghiêm trọng trong thực tiễn:

**1. Cứng nhắc trong mô hình kế hoạch hóa tập trung**

- Việc áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp khiến nền kinh tế kém linh hoạt, hạn chế tính sáng tạo và hiệu quả sản xuất.
- Nhà nước kiểm soát quá mức các hoạt động kinh tế, khiến thị trường bị bóp nghẹt, không khuyến khích sản xuất tư nhân.

**2. Thiên lệch trong cơ cấu kinh tế**

- Tập trung quá mức vào công nghiệp nặng mà chưa chú trọng đúng mức đến công nghiệp nhẹ và nông nghiệp, dẫn đến mất cân đối nghiêm trọng trong nền kinh tế.
- Thiếu sự quan tâm đến sản xuất hàng tiêu dùng và nhu yếu phẩm, khiến đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

**3. Cải tạo xã hội chủ nghĩa diễn ra quá nhanh, thiếu thực tiễn**

- Quá trình cải tạo tư bản tư doanh ở miền Nam diễn ra quá nhanh, làm sụt giảm đáng kể năng lực sản xuất và nguồn lực kinh tế tư nhân.
- Việc áp đặt mô hình hợp tác hóa nông nghiệp trong khi chưa có đủ điều kiện dẫn đến tình trạng kém hiệu quả, năng suất thấp và sản lượng nông nghiệp không đáp ứng đủ nhu cầu.

**4. Hạn chế về nguồn lực và hiệu quả quản lý**

- Sau chiến tranh, đất nước còn nghèo, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng lại đặt ra mục tiêu quá cao, dẫn đến tình trạng đầu tư dàn trải và kém hiệu quả.
- Bộ máy quản lý cồng kềnh, quan liêu, nhiều chính sách không sát với thực tế.

**5. Không tận dụng được các yếu tố thị trường**

- Chính sách loại bỏ kinh tế tư nhân đã làm mất đi một nguồn lực quan trọng để phát triển sản xuất.

- Cơ chế giá cả bị bóp méo do chính sách bao cấp, làm mất động lực sản xuất, dẫn đến tình trạng khan hiếm hàng hóa và lạm phát.

---

## Tổng kết

Đường lối phát triển kinh tế của Đại hội IV phản ánh quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển kinh tế đất nước trong giai đoạn sau chiến tranh. Tuy nhiên, do áp dụng mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung một cách cứng nhắc, thiên lệch vào công nghiệp nặng và cải tạo xã hội chủ nghĩa quá nhanh, nền kinh tế Việt Nam đã gặp nhiều khó khăn trong những năm sau đó. Chính những hạn chế này đã dẫn đến yêu cầu đổi mới tư duy kinh tế, mở đường cho chính sách **Đổi mới** được đề ra tại Đại hội VI năm 1986.

## 2. Anh/Chị hãy Phân tích những quan điểm mới được đề ra tại Đại hội V của Đảng (3-1982). Nêu ý nghĩa và hạn chế của Đại hội?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam, diễn ra vào tháng 3 năm 1982, đánh dấu một bước điều chỉnh quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội sau những khó khăn của giai đoạn trước. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khủng hoảng do ảnh hưởng của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, Đại hội V đã đưa ra một số quan điểm mới nhằm khắc phục các hạn chế và tạo tiền đề cho sự đổi mới sau này.

### 1. Quan điểm về mô hình phát triển kinh tế

- Đại hội tiếp tục khẳng định nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung là mô hình chủ đạo nhưng có điều chỉnh để phù hợp hơn với thực tiễn.
- Bắt đầu có những nhận thức mới về việc khắc phục cơ chế bao cấp, từng bước mở rộng cơ chế thị trường có sự kiểm soát của Nhà nước.

### 2. Quan điểm về cơ cấu kinh tế

- **Ưu tiên phát triển nông nghiệp:** Khác với Đại hội IV, vốn tập trung vào công nghiệp nặng, Đại hội V xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nhằm giải quyết nhu cầu lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu.
- **Chú trọng cân đối giữa các ngành kinh tế:** Định hướng phát triển công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng và sản xuất hàng xuất khẩu để tăng nguồn thu ngoại tệ.
- **Phát triển hợp tác xã và kinh tế tập thể:** Tiếp tục củng cố mô hình kinh tế tập thể, nhưng có những điều chỉnh linh hoạt hơn để nâng cao hiệu quả sản xuất.

### 3. Quan điểm về cải cách kinh tế và quản lý nhà nước

- Nhấn mạnh việc cải tiến công tác quản lý kinh tế, khắc phục sự quan liêu, bao cấp trong phân phối và lưu thông hàng hóa.
- Bước đầu đề cập đến việc giao quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh nhiều hơn cho các đơn vị kinh tế cơ sở.

#### 4. Quan điểm về xây dựng quan hệ sản xuất

- Tiếp tục thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhưng có những bước điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế.
- Đề cao vai trò của khoa học - kỹ thuật trong phát triển kinh tế và sản xuất.

---

#### Ý nghĩa của Đại hội V

1. **Định hướng điều chỉnh mô hình phát triển kinh tế:** Đại hội V đã đặt ra một số điều chỉnh quan trọng, đặc biệt là việc nhấn mạnh phát triển nông nghiệp và cải tiến quản lý kinh tế, mở đường cho những cải cách thực tiễn trong giai đoạn sau.
2. **Chuẩn bị cho công cuộc đổi mới:** Dù vẫn duy trì mô hình kế hoạch hóa tập trung, những thay đổi về tư duy quản lý kinh tế và điều chỉnh cơ cấu ngành đã tạo nền tảng cho sự đổi mới toàn diện tại Đại hội VI (1986).
3. **Giữ vững ổn định chính trị - xã hội:** Trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn về kinh tế và an ninh (xung đột biên giới, cấm vận quốc tế), Đại hội đã đề ra những chính sách giúp ổn định xã hội và tăng cường sức mạnh quốc phòng.

---

#### Hạn chế của Đại hội V

1. **Chưa thực sự thoát khỏi mô hình kinh tế bao cấp:** Dù có những điều chỉnh, Đại hội vẫn chưa đưa ra quyết sách mạnh mẽ để cải cách cơ chế quản lý kinh tế, khiến nền kinh tế tiếp tục trì trệ.
2. **Chưa thừa nhận đầy đủ vai trò của kinh tế tư nhân:** Mặc dù bắt đầu có sự điều chỉnh, kinh tế tư nhân vẫn chưa được xem là một thành phần quan trọng trong nền kinh tế, dẫn đến việc kìm hãm động lực phát triển.
3. **Chưa có giải pháp đột phá để khắc phục khủng hoảng kinh tế:** Nền kinh tế tiếp tục rơi vào tình trạng lạm phát cao, sản xuất đình trệ và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

---

#### Tổng kết

Đại hội V (1982) là một bước chuyển quan trọng trong nhận thức của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong việc điều chỉnh trọng tâm từ công nghiệp nặng

sang nông nghiệp và tăng cường cải cách quản lý. Tuy nhiên, do vẫn duy trì mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung và chưa có sự thay đổi mang tính đột phá, nền kinh tế tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Những hạn chế này đã thúc đẩy Đảng phải thực hiện một cuộc cải cách toàn diện tại Đại hội VI (1986) với chính sách Đổi mới.

### **3. Anh/Chị hãy chứng minh: Chủ trương công nghiệp hóa “tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu” thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (3-1982) được đánh giá là một bước điều chỉnh đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam?**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 3 năm 1982) đã đề ra một số điều chỉnh quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là chủ trương “**tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu**”. Đây là một bước điều chỉnh hợp lý, xuất phát từ điều kiện thực tế của Việt Nam lúc bấy giờ và có ý nghĩa quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế đất nước.

---

#### **1. Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của Việt Nam thời kỳ đó**

- **Hậu quả của chiến tranh:** Sau nhiều năm chiến tranh, nền kinh tế Việt Nam bị tàn phá nặng nề, sản xuất trì trệ, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi, đất canh tác bị ảnh hưởng nghiêm trọng, trong khi lực lượng lao động chủ yếu vẫn gắn bó với nông thôn.
- **Khủng hoảng lương thực nghiêm trọng:** Giai đoạn cuối những năm 1970 và đầu 1980, Việt Nam liên tục đối mặt với tình trạng thiếu lương thực, buộc phải nhập khẩu gạo. Việc ưu tiên phát triển nông nghiệp là cấp thiết để đảm bảo an ninh lương thực.
- **Dân số nông thôn chiếm tỷ lệ lớn:** Khoảng 80% dân số thời điểm đó sống ở nông thôn và phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp đồng nghĩa với việc tạo việc làm, nâng cao thu nhập và ổn định đời sống cho đại đa số nhân dân.

---

#### **2. Khắc phục hạn chế của chủ trương công nghiệp hóa thiên lệch trước đó**

- **Hệ quả từ Đại hội IV (1976):** Đại hội IV đã xác định công nghiệp nặng là mặt trận hàng đầu, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp lớn. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu này, sự mất cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp đã dẫn đến tình trạng sản xuất đình trệ, thiếu hụt lương thực và hàng tiêu dùng.

- **Điều chỉnh hướng công nghiệp hóa:** Nhận thức được những hạn chế đó, Đại hội V đã đưa ra một bước đi hợp lý khi **chuyển trọng tâm sang nông nghiệp** thay vì tập trung quá mức vào công nghiệp nặng. Điều này giúp tạo ra nền tảng vững chắc hơn cho sự phát triển công nghiệp sau này.

---

3. Góp phần giải quyết nhu cầu cấp bách về an ninh lương thực và cải thiện đời sống nhân dân

- Nhờ tập trung phát triển nông nghiệp, sản lượng lúa gạo dần được cải thiện, giúp Việt Nam giảm dần sự phụ thuộc vào nhập khẩu lương thực.
- Đảm bảo nguồn cung lương thực ổn định cũng giúp kiểm soát lạm phát, tránh tình trạng giá cả leo thang gây bất ổn kinh tế - xã hội.
- Nâng cao năng suất nông nghiệp không chỉ giúp cải thiện đời sống nông dân mà còn tạo điều kiện cho phát triển thương mại và xuất khẩu trong tương lai.

---

4. Tạo nền tảng cho quá trình đổi mới kinh tế sau này

- Chính sách này giúp Đảng rút ra nhiều bài học kinh nghiệm về cải cách kinh tế, trong đó có việc mở rộng quyền tự chủ cho hộ nông dân và hợp tác xã, đặt nền móng cho **Khoán 100 (1981) và Khoán 10 (1988)**, những chính sách then chốt trong công cuộc Đổi mới.
- Việc coi trọng nông nghiệp đã giúp tạo ra sản lượng dư thừa, giúp Việt Nam từ một nước thiếu lương thực trở thành nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới sau năm 1989.

---

Tổng kết

Chủ trương "**tập trung phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu**" được đề ra tại Đại hội V (1982) là một bước điều chỉnh hợp lý, xuất phát từ thực tiễn khó khăn của Việt Nam sau chiến tranh và những sai lầm trong chính sách công nghiệp hóa trước đó. Chính sách này không chỉ giúp giải quyết tình trạng khủng hoảng lương thực, cải thiện đời sống nhân dân mà còn tạo nền tảng quan trọng cho công cuộc Đổi mới sau này. Đây là một minh chứng cho sự linh hoạt trong tư duy kinh tế của Đảng, sẵn sàng điều chỉnh đường lối để phù hợp với thực tế khách quan.

**4. Anh/Chị hãy phân tích ba bước đột phá kinh tế của Đảng thời kỳ trước đổi mới (1986).**

1. Hội nghị Trung ương 6 (8/1979) – Bước điều chỉnh đầu tiên về kinh tế  
Bối cảnh:

- Sau Đại hội IV (1976), Việt Nam thực hiện mô hình công nghiệp hóa theo hướng ưu tiên công nghiệp nặng, nhưng nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng:
  - Sản xuất nông nghiệp đình trệ, lương thực thiếu hụt.
  - Công nghiệp phát triển chậm, hàng hóa khan hiếm.
  - Cơ chế quản lý quan liêu, bao cấp cản trở sản xuất.
- Tình trạng này đòi hỏi Đảng phải có sự điều chỉnh chính sách kinh tế.

Nội dung:

- **Chấp nhận điều chỉnh mục tiêu công nghiệp hóa:** Từ tập trung phát triển công nghiệp nặng sang ưu tiên phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- **Từng bước cải tiến cơ chế quản lý kinh tế:** Mở ra hướng đi mới cho khoán sản phẩm trong nông nghiệp (sau này trở thành Chỉ thị 100 năm 1981).
- **Chú trọng cải thiện đời sống nhân dân:** Giảm nhẹ sức ép về lương thực, thực phẩm.

Ý nghĩa:

- Đây là lần đầu tiên Đảng có sự điều chỉnh lớn về chính sách kinh tế sau khi thống nhất đất nước.
- Hội nghị tạo tiền đề cho những cải cách quan trọng hơn trong những năm sau, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp.

## 2. Hội nghị Trung ương 8 (6/1985) – Cải cách giá - lương - tiền

Bối cảnh:

- Tình trạng bao cấp kéo dài khiến nền kinh tế trì trệ, lạm phát gia tăng.
- Hệ thống giá cả do Nhà nước quy định không phản ánh đúng cung cầu thị trường.
- Tiền lương không đủ để đảm bảo đời sống công nhân, viên chức.

Nội dung:

- **Cải cách giá cả:** Từng bước điều chỉnh giá hàng hóa theo cơ chế thị trường thay vì giá do Nhà nước áp đặt.
- **Cải cách tiền lương:** Điều chỉnh mức lương cơ bản để phù hợp với giá cả mới.
- **Cải cách tiền tệ:** Đổi tiền (tháng 9/1985) nhằm ổn định sức mua và kiềm chế lạm phát.

Ý nghĩa:

- Đây là nỗ lực mạnh mẽ của Đảng nhằm cải tổ nền kinh tế, hướng đến xóa bỏ cơ chế bao cấp.
- Tuy nhiên, do thực hiện chưa đồng bộ và thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng, cuộc cải cách này đã không đạt hiệu quả như mong đợi, thậm chí còn gây ra tình trạng lạm phát phi mã (lên tới hơn 700% vào năm 1986).

---

### 3. Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (9/1985) – Xác định hướng đi mới cho nền kinh tế Bối cảnh:

- Sau cải cách giá - lương - tiền, nền kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng hơn, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân khó khăn.
- Các biện pháp cải cách trước đó chưa đủ mạnh để giải quyết những vấn đề cơ bản của nền kinh tế.

#### Nội dung:

- **Thừa nhận những sai lầm trong cải cách kinh tế:** Đặc biệt là sự nóng vội trong cải cách giá - lương - tiền.
- **Nhấn mạnh sự cần thiết phải thay đổi mô hình quản lý kinh tế:** Chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang một mô hình linh hoạt hơn.
- **Đề ra chủ trương đổi mới quản lý kinh tế:** Tạo tiền đề cho những quyết sách quan trọng tại Đại hội VI (1986).

#### Ý nghĩa:

- Đây là một bước ngoặt về nhận thức trong Đảng, thừa nhận những hạn chế của cơ chế cũ và chuẩn bị cho sự thay đổi mang tính bước ngoặt vào năm 1986.
- Hội nghị này đã đặt nền móng cho đường lối Đổi mới được chính thức thông qua tại Đại hội VI.

---

#### Tổng kết

Ba hội nghị trên chính là ba bước đột phá quan trọng trước Đổi mới, thể hiện sự điều chỉnh từng bước của Đảng đối với nền kinh tế:

1. **Hội nghị Trung ương 6 (1979):** Đặt nền tảng cho điều chỉnh chính sách kinh tế, đặc biệt là trong nông nghiệp.
2. **Hội nghị Trung ương 8 (1985):** Cải cách giá - lương - tiền, một bước thử nghiệm lớn nhưng chưa thành công.
3. **Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (1985):** Nhìn nhận lại những sai lầm, đặt nền móng cho Đổi mới.



Những bước đi này tuy chưa thể giúp nền kinh tế thoát khỏi khủng hoảng ngay lập tức, nhưng đã góp phần quan trọng trong việc **thay đổi tư duy kinh tế**, tạo tiền đề cho công cuộc Đổi mới năm 1986.

**5. Anh/Chị hãy trình bày những chủ trương đổi mới kinh tế được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986). Rút ra nhận xét chủ trương trên.**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12/1986) đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển kinh tế của Việt Nam. Đại hội đã chính thức đề ra đường lối **Đổi mới toàn diện**, trong đó trọng tâm là đổi mới kinh tế nhằm khắc phục những hạn chế của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp và từng bước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Dưới đây là những nội dung chủ yếu của chủ trương đổi mới kinh tế tại Đại hội VI:

---

1. Chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế nhiều thành phần  
Nội dung:

- **Từng bước xóa bỏ cơ chế bao cấp**, thay thế bằng **cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước**.
- **Thừa nhận sự tồn tại của nhiều thành phần kinh tế**, bao gồm:
  - **Kinh tế quốc doanh** (doanh nghiệp nhà nước) giữ vai trò chủ đạo.
  - **Kinh tế tập thể** (hợp tác xã, tổ hợp tác) được khuyến khích phát triển.
  - **Kinh tế cá thể, tư nhân** được công nhận là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế.
  - **Kinh tế tư bản nhà nước** được khuyến khích thông qua hình thức liên doanh, liên kết.

Ý nghĩa:

- Thay đổi quan điểm truyền thống coi kinh tế quốc doanh và tập thể là duy nhất đúng, mở đường cho kinh tế tư nhân phát triển.
- Tạo động lực thúc đẩy sản xuất, giải quyết việc làm và tăng trưởng kinh tế.

---

2. Cải cách hệ thống quản lý kinh tế, thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước  
Nội dung:

- **Xóa bỏ cơ chế "xin - cho"**, thực hiện cơ chế hạch toán kinh doanh đối với các doanh nghiệp nhà nước.
- **Chuyển đổi từ mô hình kế hoạch hóa cứng nhắc** sang mô hình kế hoạch định hướng, Nhà nước chỉ can thiệp vào những lĩnh vực thiết yếu.
- **Chấp nhận quy luật cung - cầu**, cho phép hình thành thị trường hàng hóa, lao động, tài chính.

Ý nghĩa:

- Tạo điều kiện cho nền kinh tế vận hành linh hoạt, giảm gánh nặng cho Nhà nước.
- Từng bước hình thành các yếu tố của nền kinh tế thị trường, giúp cải thiện năng suất và hiệu quả sản xuất.

---

### 3. Chú trọng phát triển nông nghiệp, thực hiện chính sách khoán trong sản xuất nông nghiệp

Nội dung:

- **Khẳng định vai trò của nông nghiệp**, coi đây là nền tảng phát triển kinh tế, giải quyết lương thực và cải thiện đời sống nhân dân.
- **Tiếp tục thực hiện khoán sản phẩm trong nông nghiệp** theo Chỉ thị 100 (1981), sau này được phát triển thành Khoán 10 (1988), giao đất cho hộ nông dân sử dụng lâu dài.

Ý nghĩa:

- Giải phóng sức sản xuất, giúp Việt Nam nhanh chóng vượt qua tình trạng thiếu lương thực.
- Tạo tiền đề cho chính sách giao quyền sử dụng đất lâu dài cho nông dân, thúc đẩy nông nghiệp phát triển bền vững.

---

### 4. Cải cách giá - lương - tiền để ổn định kinh tế vĩ mô

Nội dung:

- **Chấm dứt chế độ bao cấp về giá, thực hiện giá cả theo cơ chế thị trường.**
- **Điều chỉnh tiền lương phù hợp với giá cả**, đảm bảo đời sống người lao động.
- **Cải cách tiền tệ**, kiểm soát lạm phát, khuyến khích tiết kiệm và đầu tư.

Ý nghĩa:

- Giúp nền kinh tế vận hành minh bạch hơn, phản ánh đúng cung - cầu.

- Kiểm chế lạm phát và ổn định đời sống người dân.

---

## 5. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại

Nội dung:

- **Chủ trương mở cửa nền kinh tế**, từng bước tham gia vào nền kinh tế khu vực và thế giới.
- **Khuyến khích đầu tư nước ngoài**, tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác kinh tế quốc tế.
- **Thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế** thay vì phụ thuộc vào một số quốc gia.

Ý nghĩa:

- Giúp Việt Nam tiếp cận công nghệ, vốn và kinh nghiệm quản lý từ nước ngoài.
- Tạo điều kiện phát triển xuất khẩu, mở rộng thị trường.

---

Nhận xét về chủ trương đổi mới kinh tế tại Đại hội VI

### 1. Ý nghĩa tích cực

- **Đánh dấu bước ngoặt lịch sử** trong tư duy kinh tế của Đảng, từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung chuyển sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
- **Giải phóng sức sản xuất**, tạo động lực phát triển cho nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.
- **Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế**, giúp Việt Nam từng bước vượt qua khủng hoảng, ổn định đời sống nhân dân.
- **Mở đường cho hội nhập kinh tế quốc tế**, tạo tiền đề cho các chính sách mở cửa và thu hút đầu tư nước ngoài sau này.

### 2. Hạn chế và thách thức

- **Chưa có cơ chế pháp lý đầy đủ** để điều chỉnh sự phát triển của các thành phần kinh tế, dẫn đến tình trạng tự phát, mất cân đối.
- **Hệ thống doanh nghiệp nhà nước vẫn trì trệ**, chưa có cải cách mạnh mẽ về quản lý và cơ cấu.
- **Tình trạng lạm phát vẫn nghiêm trọng**, do chưa kiểm soát tốt quá trình chuyển đổi.
- **Nhận thức về kinh tế thị trường còn hạn chế**, chưa có chính sách đồng bộ để quản lý rủi ro và bất cập trong nền kinh tế.

---

## Kết luận

Chủ trương đổi mới kinh tế tại Đại hội VI (1986) là một **bước ngoặt lịch sử**, giúp Việt Nam thoát khỏi tình trạng trì trệ, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong những thập kỷ tiếp theo. Tuy nhiên, do đây là quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hóa sang kinh tế thị trường, nên vẫn còn nhiều **khó khăn và thách thức**, đòi hỏi sự điều chỉnh liên tục trong những năm sau đó.

### **6. Anh/Chị hãy trình bày những nội dung và kết quả chỉ đạo đổi mới quan trọng của Đảng tại các Hội nghị Trung ương Đảng khóa VI trên lĩnh vực kinh tế.**

Sau Đại hội VI (12/1986), Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổ chức nhiều Hội nghị Trung ương trong nhiệm kỳ 1986-1991 để cụ thể hóa và từng bước thực hiện đường lối đổi mới. Trong đó, các hội nghị Trung ương khóa VI có vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Dưới đây là những nội dung chính và kết quả quan trọng trên lĩnh vực kinh tế của các Hội nghị Trung ương khóa VI:

---

#### 1. Hội nghị Trung ương 2 (1987) – Tiếp tục hoàn thiện nhận thức về đổi mới kinh tế

Nội dung:

- Khẳng định tiếp tục đổi mới nền kinh tế theo hướng **xóa bỏ cơ chế bao cấp**, thực hiện hạch toán kinh doanh trong doanh nghiệp nhà nước.
- **Chấp nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế**, không chỉ kinh tế quốc doanh và tập thể.
- Khuyến khích **khoán sản phẩm** trong nông nghiệp để phát huy tính chủ động của nông dân.

#### Kết quả:

- Đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc **từng bước hợp pháp hóa kinh tế tư nhân** và kinh tế cá thể.
- Tiếp tục thúc đẩy **phong trào khoán trong nông nghiệp**, tạo tiền đề cho Khoán 10 (1988).

---

#### 2. Hội nghị Trung ương 5 (6/1988) – Thực hiện Khoán 10, đổi mới nông nghiệp

Nội dung:

- **Chính thức ban hành Khoản 10** trong sản xuất nông nghiệp, giao quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ nông dân.
- Xác định **hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ**, thay thế mô hình hợp tác xã kiểu cũ.
- **Cởi trói cho sản xuất nông nghiệp**, cho phép người dân chủ động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo cơ chế thị trường.

Kết quả:

- **Nông nghiệp Việt Nam có sự chuyển biến mạnh mẽ**, sản lượng lương thực tăng nhanh.
- Đến năm 1989, Việt Nam **từ một nước thiếu lương thực trở thành nước xuất khẩu gạo**.
- Cải thiện đáng kể đời sống nông dân, tạo nền tảng cho sự phát triển nông thôn.

### 3. Hội nghị Trung ương 6 (3/1989) – Chuyển hướng chiến lược phát triển kinh tế

Nội dung:

- **Chuyển hướng từ công nghiệp hóa nặng nề sang ưu tiên phát triển nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu.**
- Tiếp tục xóa bỏ bao cấp trong **giá cả, tiền lương và tiền tệ**.
- Cải tổ hệ thống doanh nghiệp nhà nước theo hướng **tự chủ tài chính và cạnh tranh theo cơ chế thị trường**.

Kết quả:

- Giúp nền kinh tế ổn định hơn sau những bất ổn từ cải cách giá - lương - tiền giai đoạn 1985.
- Tạo nền tảng cho quá trình **hội nhập kinh tế** trong những năm sau.

### 4. Hội nghị Trung ương 7 (8/1989) – Đổi mới quản lý kinh tế, thúc đẩy cơ chế thị trường

Nội dung:

- Xác định **cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước** là hướng đi lâu dài.
- Đề ra các giải pháp để **cải cách doanh nghiệp nhà nước**, trong đó có chủ trương cổ phần hóa một số đơn vị.
- Mở rộng quyền tự chủ kinh doanh, từng bước cho phép các doanh nghiệp tư nhân phát triển.

Kết quả:

- Mở rộng hơn không gian kinh tế cho các thành phần ngoài quốc doanh.
- Thúc đẩy quá trình **cải cách kinh tế sâu rộng hơn** trong giai đoạn 1990-1991.

5. Hội nghị Trung ương 8 (3/1990) – Chính sách kinh tế đối ngoại, hội nhập quốc tế  
Nội dung:

- **Mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế**, khuyến khích đầu tư nước ngoài.
- Chấp nhận kinh tế nhiều thành phần tham gia vào quan hệ kinh tế đối ngoại.
- Thực hiện **đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế**, giảm dần sự phụ thuộc vào một số đối tác truyền thống.

Kết quả:

- Việt Nam **tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài**, nhất là từ các nước châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.
- Đặt nền móng cho chính sách **hội nhập kinh tế toàn cầu** trong những năm sau đó.

Nhận xét chung về các Hội nghị Trung ương khóa VI trên lĩnh vực kinh tế

1. Những điểm tích cực

- **Chuyển đổi tư duy kinh tế:** Các hội nghị đã góp phần thay đổi tư duy từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- **Giải phóng sức sản xuất:** Việc thực hiện Khoán 10 và trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp giúp nền kinh tế phát triển năng động hơn.
- **Ổn định kinh tế vĩ mô:** Cải cách về giá - lương - tiền giúp kiểm soát lạm phát và ổn định đời sống nhân dân.
- **Mở rộng hội nhập quốc tế:** Thúc đẩy quan hệ kinh tế đối ngoại, từng bước thu hút đầu tư nước ngoài.

2. Những hạn chế và thách thức

- **Doanh nghiệp nhà nước chưa thực sự đổi mới:** Vẫn còn nhiều cơ chế quan liêu, hiệu quả hoạt động thấp.
- **Cơ chế thị trường chưa hoàn thiện:** Quá trình chuyển đổi còn gặp nhiều khó khăn do thiếu khung pháp lý đồng bộ.
- **Lạm phát và bất ổn kinh tế:** Dù có cải cách, nền kinh tế vẫn phải đối mặt với tình trạng lạm phát cao trong một số thời điểm.

Kết luận

Các Hội nghị Trung ương khóa VI (1986-1991) đã đóng vai trò quan trọng trong việc **từng bước đổi mới nền kinh tế Việt Nam**, giúp chuyển từ mô hình kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những quyết sách này **đặt nền móng cho sự phát triển của Việt Nam trong giai đoạn sau**, đặc biệt là trong công cuộc hội nhập quốc tế và cải cách sâu rộng hơn trong thập niên 1990.

**7. Anh/Chị hãy chứng minh: Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Rút ra ý nghĩa của Cương lĩnh.**

1. Xác định đúng mô hình chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam xây dựng  
Nội dung:

Cương lĩnh 1991 xác định **bảy đặc trưng cơ bản** của chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam hướng tới:

1. **Do nhân dân làm chủ** (dân chủ xã hội chủ nghĩa).
2. **Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp.**
3. **Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.**
4. **Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.**
5. **Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ.**
6. **Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do nhân dân làm chủ.**
7. **Có quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước trên thế giới.**

Chứng minh tính đúng đắn:

- **Điều chỉnh quan điểm về chủ nghĩa xã hội:** Không còn máy móc, giáo điều mà phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.
- **Tránh vết xe đổ của Liên Xô và Đông Âu:** Tập trung vào **phát triển kinh tế, xây dựng dân chủ**, thay vì chỉ nhấn mạnh vào công hữu và tập trung quyền lực.
- **Phù hợp với đặc điểm nước ta:** Xuất phát từ thực tế một nước nông nghiệp lạc hậu, cần thời gian dài để xây dựng nền kinh tế hiện đại.

---

2. Xác định đúng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội  
Nội dung:

Cương lĩnh 1991 xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam **bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa**, nhưng phải **phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước**.

- **Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng.**
- **Đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới kinh tế, lấy phát triển kinh tế làm trung tâm.**
- **Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam.**

Chứng minh tính đúng đắn:

- **Khắc phục sai lầm trước đây** khi coi kinh tế tư nhân là đối lập với chủ nghĩa xã hội.
- **Tạo động lực phát triển mạnh mẽ** khi kết hợp giữa Nhà nước, thị trường và các thành phần kinh tế.
- **Thực tế chứng minh:** Sau khi thực hiện đổi mới theo hướng này, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đời sống nhân dân được cải thiện.

### 3. Xác định đúng hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng

Nội dung:

- **Khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam.**
- **Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa quản lý xã hội bằng pháp luật, phát huy dân chủ, bảo đảm quyền con người.**
- **Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh để đoàn kết toàn dân.**

Chứng minh tính đúng đắn:

- **Tránh được sự hỗn loạn chính trị như một số nước Đông Âu sau khi từ bỏ chế độ cũ.**
- **Bảo đảm ổn định chính trị - xã hội,** tạo điều kiện phát triển kinh tế.
- **Dân chủ hóa đời sống xã hội,** từng bước mở rộng quyền của nhân dân, tránh tập trung quan liêu, bao cấp.

### 4. Xác định đúng nhiệm vụ, mục tiêu của thời kỳ quá độ

Nội dung:

- **Nhiệm vụ trọng tâm:** Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
- **Xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần,** vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- **Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.**



- **Giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh.**
- **Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế nhưng vẫn giữ vững bản sắc dân tộc.**

Chứng minh tính đúng đắn:

- **Giúp Việt Nam từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.**
- **Mở đường cho công cuộc hội nhập quốc tế, tạo điều kiện phát triển lâu dài.**
- **Đưa đất nước từ một nền kinh tế lạc hậu trở thành một nền kinh tế có mức tăng trưởng cao trong khu vực.**

---

Ý nghĩa của Cương lĩnh năm 1991

1. **Khẳng định con đường phát triển đúng đắn của Việt Nam** trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động.
2. **Giúp Việt Nam ổn định về chính trị - xã hội, tạo nền tảng phát triển kinh tế**, tránh tình trạng rối loạn như một số nước xã hội chủ nghĩa khác.
3. **Mở đường cho sự nghiệp đổi mới**, góp phần quan trọng vào thành tựu phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.
4. **Khẳng định nguyên tắc phát triển bền vững**, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.
5. **Là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện đường lối đổi mới trong những giai đoạn sau**, đặc biệt là trong việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

---

Kết luận

Cương lĩnh 1991 là một văn kiện mang tính bước ngoặt, **giải đáp chính xác và đúng đắn** vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Những định hướng trong Cương lĩnh đã giúp Việt Nam duy trì ổn định, phát triển mạnh mẽ và ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới.

**8. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm của Đảng về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (6/1996). Qua đó làm rõ trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.**

1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Nội dung:

- **Tiếp tục đổi mới cơ chế kinh tế**, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.
- **Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân, khuyến khích đầu tư nước ngoài**, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước.
- **Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa**, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ để nâng cao chất lượng và năng suất lao động.

Ý nghĩa:

- **Khắc phục những hạn chế của công nghiệp hóa trước đây**, vốn tập trung chủ yếu vào kinh tế quốc doanh và chưa tận dụng hết tiềm năng của các thành phần kinh tế khác.
- **Thích ứng với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế**, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh.

---

2. Lấy phát triển khoa học - công nghệ làm nền tảng, coi trọng công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn

Nội dung:

- **Ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất**, khuyến khích đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài.
- **Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến, công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ.**
- **Tập trung công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn**, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

Ý nghĩa:

- **Giúp Việt Nam tránh được bẫy công nghiệp lạc hậu**, hướng tới nền kinh tế tri thức.
- **Góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn**, bảo đảm sự phát triển hài hòa.

---

3. Kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường

Nội dung:

- **Không chạy theo tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá**, mà phải đi đôi với công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.
- **Bảo vệ tài nguyên, môi trường, hướng đến phát triển bền vững.**

- **Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao** để đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ý nghĩa:

- **Định hướng phát triển lâu dài, bền vững**, tránh những hệ lụy như ô nhiễm môi trường, bất bình đẳng xã hội.
- **Tạo nền tảng cho hội nhập kinh tế quốc tế một cách chủ động, có kiểm soát.**

#### 4. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ

Nội dung:

- **Mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế**, tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu.
- **Khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)**, tiếp thu công nghệ tiên tiến từ các nước phát triển.
- **Bảo vệ lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập tự chủ trong hội nhập.**

Ý nghĩa:

- **Tạo cơ hội lớn để tiếp thu công nghệ mới, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.**
- **Đảm bảo Việt Nam hội nhập một cách chủ động, không bị phụ thuộc quá mức vào nước ngoài.**

Trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mỗi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ, cần xác định rõ trách nhiệm của mình để đóng góp vào sự phát triển của đất nước. Một số nhiệm vụ cụ thể gồm:

##### 1. Không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng

- **Tích cực học tập, rèn luyện kỹ năng làm việc, tiếp cận công nghệ mới** để đáp ứng nhu cầu phát triển.
- **Học hỏi kinh nghiệm từ các nước tiên tiến**, nâng cao khả năng sáng tạo và ứng dụng thực tiễn.

##### 2. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần khởi nghiệp

- **Chủ động tham gia vào các lĩnh vực đổi mới, sáng tạo**, phát triển doanh nghiệp, đóng góp vào nền kinh tế.
- **Phát huy tinh thần trách nhiệm, kỷ luật lao động**, xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp.

### 3. Bảo vệ môi trường, phát triển bền vững

- **Hạn chế sử dụng tài nguyên một cách lãng phí**, có trách nhiệm với môi trường sống.
- **Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất theo hướng xanh, sạch, bền vững**.

### 4. Chủ động hội nhập, phát triển tư duy toàn cầu

- **Tiếp thu và vận dụng những tri thức, kỹ năng tiên tiến từ thế giới** vào thực tiễn Việt Nam.
- **Nâng cao khả năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin để tham gia vào nền kinh tế toàn cầu**.

---

## Kết luận

Quan điểm về công nghiệp hóa tại Đại hội VIII (1996) là bước phát triển quan trọng trong tư duy của Đảng, giúp Việt Nam định hướng một mô hình phát triển **bền vững, hiện đại, gắn liền với kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế**. Mỗi cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ, cần xác định rõ **trách nhiệm học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế bền vững** để đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**9. Anh/Chị hãy làm rõ quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998). Qua đó, hãy nêu trách nhiệm của bản thân để đóng góp vào việc giữ gìn, phát huy, truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam?**

Quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7/1998)

Tại **Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (tháng 7/1998)**, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thông qua **Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**. Đây là một cột mốc quan trọng trong quá trình đổi mới tư duy về văn hóa, khẳng định vai trò của văn hóa trong sự phát triển bền vững của đất nước.

Nghị quyết đã xác định một cách hệ thống **nền tảng, mục tiêu và phương hướng** của sự nghiệp phát triển văn hóa trong thời kỳ mới. Nội dung cốt lõi có thể được tóm tắt như sau:

---

1. Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hóa

a) Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội

- **Đảng xác định văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.**
- **Phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa**, tránh chạy theo tăng trưởng kinh tế mà xem nhẹ các giá trị tinh thần.
- Văn hóa không chỉ phản ánh hiện thực xã hội mà còn góp phần **định hướng, thúc đẩy sự phát triển bền vững.**

b) Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

- **Tiên tiến:** Thể hiện tinh thần yêu nước, nhân văn, dân chủ và tiến bộ, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
- **Đậm đà bản sắc dân tộc:** Kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử.
- **Giữ gìn sự đa dạng văn hóa của 54 dân tộc**, đồng thời bảo vệ bản sắc trước tác động tiêu cực của toàn cầu hóa.

c) Văn hóa là động lực để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- **Văn hóa giúp con người phát triển toàn diện**, nâng cao ý thức, trách nhiệm công dân.
- **Ứng dụng văn hóa vào sản xuất, kinh doanh** để nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ mang giá trị dân tộc.
- **Phát triển công nghiệp văn hóa**, thúc đẩy du lịch và giao lưu văn hóa quốc tế.

d) Văn hóa là nền tảng của đời sống tinh thần, là sức mạnh nội sinh quan trọng để phát triển đất nước

- **Cần kết hợp chặt chẽ giữa văn hóa và chính trị, kinh tế, xã hội** để tạo sự phát triển hài hòa.
  - **Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và tinh thần.**
-

## 2. Các nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển văn hóa

### a) Xây dựng con người Việt Nam thời đại mới

- **Nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức cộng đồng.**
- Xây dựng con người có **bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm và sáng tạo.**

### b) Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống

- **Bảo vệ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể** (truyền thống, lễ hội, nghệ thuật dân gian...).
- **Đẩy mạnh giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc.**

### c) Phát triển công nghiệp văn hóa và hội nhập quốc tế

- **Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp văn hóa** (điện ảnh, âm nhạc, xuất bản, truyền thông...).
- **Chủ động hội nhập văn hóa quốc tế**, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại nhưng giữ vững bản sắc dân tộc.

### d) Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh

- **Ngăn chặn sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại.**
- **Xây dựng đời sống văn hóa trong gia đình, cộng đồng, doanh nghiệp.**

---

## 3. Trách nhiệm của bản thân trong việc giữ gìn, phát huy và truyền bá các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc

Là một cá nhân trong xã hội, mỗi người cần có **trách nhiệm với nền văn hóa dân tộc**, cụ thể như sau:

### a) Tích cực học tập và tìm hiểu về văn hóa dân tộc

- **Nghiên cứu, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống**, không để mai một bản sắc.
- **Trân trọng, bảo vệ di sản văn hóa**, tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa.

### b) Thực hành và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống

- **Sống nhân ái, trung thực, trách nhiệm, có tinh thần đoàn kết.**
- **Ứng xử văn minh trong gia đình, trường học, công sở và xã hội.**

### c) Góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới

- **Chia sẻ những nét đẹp văn hóa Việt Nam thông qua các kênh truyền thông, mạng xã hội.**
- **Tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa, nghệ thuật, du lịch quốc tế.**

d) Xây dựng lối sống văn minh, hiện đại nhưng không xa rời bản sắc dân tộc

- **Không chạy theo lối sống lai căng, thực dụng, biết chọn lọc và tiếp thu những giá trị tiến bộ từ nước ngoài.**
- **Ủng hộ và tiêu thụ các sản phẩm văn hóa Việt Nam, từ âm nhạc, phim ảnh đến nghệ thuật truyền thống.**

---

### Kết luận

Quan điểm về phát triển văn hóa tại Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (1998) đã xác định **vai trò quan trọng của văn hóa trong sự phát triển đất nước**. Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần mà còn là **động lực quan trọng của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa**.

Mỗi cá nhân có trách nhiệm **bảo vệ, phát huy và lan tỏa những giá trị văn hóa truyền thống**, góp phần xây dựng một nền văn hóa **tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**, tạo động lực phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

**10. Anh/Chị hãy làm sáng tỏ bước trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001).**

**Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4/2001)** đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng về **con đường đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở Việt Nam**. Đây là thời điểm Đảng tổng kết 15 năm thực hiện công cuộc đổi mới (1986-2001), tiếp tục làm rõ hơn **mô hình chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam** và khẳng định con đường phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Dưới đây là những nội dung thể hiện **sự trưởng thành trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tại Đại hội IX**:

---

1. Khẳng định tiếp tục con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a) Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, không chệch hướng

- Đại hội IX tiếp tục khẳng định: **Việt Nam đi lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.**

- Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng.

b) Xác định chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là một mô hình có đặc trưng riêng

- Chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam xây dựng không phải là bản sao của bất kỳ mô hình nào trước đây.
- Cần phải **vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin phù hợp với thực tiễn đất nước.**

➡ **Ý nghĩa:** Thể hiện **sự trưởng thành trong tư duy lý luận** của Đảng, khẳng định con đường đi lên CNXH là đúng đắn, nhưng không giáo điều, máy móc.

2. Làm rõ hơn mục tiêu và mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Tại Đại hội IX, Đảng đã **hoàn thiện hơn quan điểm về mục tiêu và mô hình CNXH** mà Việt Nam đang hướng tới. Cụ thể, CNXH ở Việt Nam có **8 đặc trưng cơ bản**:

1. **Do nhân dân làm chủ.**
2. **Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp.**
3. **Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.**
4. **Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, phát triển toàn diện.**
5. **Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển.**
6. **Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.**
7. **Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.**
8. **Đảm bảo phát triển bền vững, hài hòa giữa con người và thiên nhiên.**

➡ **Ý nghĩa:** Lần đầu tiên, Đảng đưa ra một **hệ thống tiêu chí toàn diện và rõ ràng hơn về CNXH ở Việt Nam**, giúp định hướng chính xác hơn quá trình phát triển đất nước.

3. Nhận thức rõ hơn về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Tại Đại hội IX, Đảng khẳng định: **Kinh tế thị trường không đối lập với chủ nghĩa xã hội** mà là công cụ quan trọng để xây dựng CNXH.

a) Xác định rõ hơn nội dung của kinh tế thị trường định hướng XHCN



- Kinh tế thị trường định hướng XHCN là **một mô hình kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa.**
- Nền kinh tế có **nhều thành phần**, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
- Nhà nước sử dụng **công cụ pháp luật, chính sách và nguồn lực để điều tiết nền kinh tế**, đảm bảo công bằng xã hội.

b) Nhấn mạnh vai trò của khu vực kinh tế tư nhân và hội nhập kinh tế quốc tế

- Đảng khẳng định **kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế.**
- **Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân phát triển**, tham gia vào các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh.
- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài nhưng vẫn đảm bảo độc lập tự chủ.

⇒ **Ý nghĩa:** Đây là bước **đột phá trong tư duy kinh tế của Đảng**, giúp nền kinh tế phát triển năng động, hội nhập nhưng vẫn giữ được bản sắc và định hướng XHCN.

#### 4. Nhấn mạnh vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN

a) Nhà nước pháp quyền XHCN là công cụ quản lý xã hội hiệu quả

- Nhà nước phải được xây dựng trên **nền tảng pháp luật, đảm bảo dân chủ, minh bạch.**
- **Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật**, không ai đứng ngoài hoặc đứng trên pháp luật.

b) Đảng tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo nhưng phải đổi mới phương thức lãnh đạo

- Đảng lãnh đạo thông qua **hiến pháp, pháp luật, cơ chế chính sách chứ không bao biện làm thay Nhà nước.**
- Đề cao **dân chủ trong Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.**

⇒ **Ý nghĩa:** **Đánh dấu sự đổi mới trong tư duy về quản lý xã hội**, đề cao pháp quyền và hạn chế cơ chế bao cấp, quản lý hành chính quan liêu.

#### 5. Định hướng phát triển đất nước trong thời kỳ mới

a) Mục tiêu đến năm 2020

- Đưa Việt Nam cơ bản trở thành **một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.**
- Xây dựng **nền kinh tế độc lập, tự chủ, có năng lực cạnh tranh cao.**

- Giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

b) Con đường đi lên CNXH cần có bước đi phù hợp

- **Không nóng vội, không chủ quan duy ý chí.**
- **Phát triển kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.**
- **Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.**

➔ **Ý nghĩa:** Giúp đất nước bước vào thời kỳ hội nhập với chiến lược phát triển rõ ràng, không duy ý chí mà bám sát thực tế.

---

Kết luận

**Đại hội IX (2001) đánh dấu một bước trưởng thành quan trọng trong nhận thức của Đảng về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.** Những điểm nổi bật bao gồm:

- ✓ Xác định rõ hơn **đặc trưng của CNXH ở Việt Nam.**
- ✓ Hoàn thiện nhận thức về **kinh tế thị trường định hướng XHCN.**
- ✓ Khẳng định vai trò của **Nhà nước pháp quyền XHCN.**
- ✓ Đưa ra **mục tiêu và lộ trình phát triển cụ thể** cho thời kỳ mới.

Từ những bước trưởng thành này, Việt Nam đã có một **định hướng phát triển rõ ràng, phù hợp với thực tiễn, giúp đất nước đạt được những thành tựu quan trọng trong giai đoạn sau.**

**11. Anh/Chị hãy trình bày đặc trưng mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được thông qua tại Đại hội toàn quốc lần thứ X (4-2006) và chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.**

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 4/2006), mô hình xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được xác định với 8 đặc trưng cơ bản:

1. **Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh** – đây là mục tiêu tổng quát của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam hướng tới.
2. **Do nhân dân làm chủ** – thể hiện bản chất dân chủ của chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân có quyền làm chủ trên tất cả các lĩnh vực.
3. **Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp** – phát triển kinh tế phải dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. **Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc** – văn hóa phải được phát triển toàn diện, giữ gìn truyền thống nhưng vẫn tiếp thu tinh hoa nhân loại.
5. **Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện** – nhấn mạnh đến vai trò của con người và quyền con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa.
6. **Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển** – đảm bảo sự bình đẳng giữa các dân tộc, không phân biệt vùng miền.
7. **Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo** – nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật, đảm bảo tính dân chủ và minh bạch.
8. **Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới** – Việt Nam phải hội nhập quốc tế, hợp tác trên nguyên tắc hòa bình, tôn trọng lẫn nhau.

---

Những khó khăn, thách thức trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

#### 1. Về kinh tế

- Năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp so với nhiều nước trong khu vực.
- Chất lượng tăng trưởng chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào vốn đầu tư và tài nguyên thiên nhiên.
- Khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, đặc biệt là giữa thành thị và nông thôn.

#### 2. Về văn hóa - xã hội

- Sự du nhập của văn hóa ngoại lai có thể làm mai một bản sắc dân tộc.
- Đạo đức xã hội có nhiều biểu hiện xuống cấp như tham nhũng, tiêu cực, lối sống thực dụng.
- Chất lượng giáo dục và y tế còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

#### 3. Về chính trị - tư tưởng

- Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên gây mất lòng tin của nhân dân.
- Âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch nhằm chống phá Đảng và Nhà nước.
- Công tác cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

#### 4. Về hội nhập quốc tế

- Tác động của toàn cầu hóa khiến Việt Nam phải cạnh tranh gay gắt trên nhiều lĩnh vực.
- Các hiệp định thương mại tự do tạo ra cả cơ hội và thách thức đối với doanh nghiệp trong nước.
- Xu hướng bảo hộ mậu dịch của một số quốc gia lớn có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu và nền kinh tế Việt Nam.

---

## Kết luận

Mô hình xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam xây dựng đã được định hình rõ ràng tại Đại hội X với những đặc trưng cơ bản. Tuy nhiên, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Để vượt qua, Đảng và Nhà nước cần tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển kinh tế bền vững và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

## 12. Anh/Chị hãy trình bày những điểm bổ sung, phát triển của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) so với Cương lĩnh năm 1991.

Những điểm bổ sung, phát triển của Cương lĩnh năm 2011 so với Cương lĩnh năm 1991

Cương lĩnh năm 1991 (*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*) là văn kiện có ý nghĩa định hướng chiến lược cho công cuộc đổi mới của Việt Nam. Đến năm 2011, tại Đại hội XI của Đảng, **Cương lĩnh 1991 đã được bổ sung, phát triển** nhằm phù hợp với bối cảnh mới của đất nước và quốc tế. Những điểm bổ sung, phát triển chủ yếu tập trung vào **5 nội dung quan trọng**:

---

### 1. Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Cương lĩnh năm 2011 xác định **8 đặc trưng cơ bản** của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng (thay vì 6 đặc trưng trong Cương lĩnh 1991). Các bổ sung quan trọng gồm:

- Nhấn mạnh nền kinh tế phát triển cao dựa trên **lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp**.
- Làm rõ hơn về **Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa** của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- Mở rộng nội dung về **quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế**.

♦ **Ý nghĩa bổ sung:** Điều này phản ánh sự phát triển của tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa.

---

## 2. Về mô hình kinh tế và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

- Cương lĩnh 2011 tiếp tục khẳng định **kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa**, nhưng nhấn mạnh hơn vào **vai trò của các thành phần kinh tế**, đặc biệt là **kinh tế tư nhân và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**.
- Bổ sung nội dung về **xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế**.
- Cương lĩnh 1991 chưa đề cập rõ đến **vai trò của khoa học - công nghệ**, trong khi Cương lĩnh 2011 xác định **khoa học - công nghệ là động lực quan trọng để phát triển kinh tế**.

♦ **Ý nghĩa bổ sung:** Sự điều chỉnh này phản ánh xu thế phát triển của thế giới và thực tiễn Việt Nam, khi nền kinh tế thị trường ngày càng đóng vai trò quan trọng nhưng vẫn cần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

---

## 3. Về hệ thống chính trị và Nhà nước pháp quyền

- Cương lĩnh 2011 lần đầu tiên nhấn mạnh xây dựng **Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa**, trong khi Cương lĩnh 1991 chưa đề cập đầy đủ khái niệm này.
- Làm rõ vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là **đảng cầm quyền**, chịu trách nhiệm trước nhân dân về sự lãnh đạo của mình.
- Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh hơn vào **cải cách hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước**.

♦ **Ý nghĩa bổ sung:** Việc phát triển nội dung này phản ánh yêu cầu thực tế về nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phòng chống quan liêu, tham nhũng và xây dựng nhà nước pháp quyền dân chủ.

---

## 4. Về văn hóa và con người

- Nếu như Cương lĩnh 1991 chỉ đề cập đến xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thì Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh hơn vào **vai trò trung tâm của con người trong sự phát triển**.
- Khẳng định rõ **giáo dục, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu**.

♦ **Ý nghĩa bổ sung:** Điều này thể hiện nhận thức mới về vai trò của văn hóa, con người và khoa học trong phát triển bền vững.

---

## 5. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- Cương lĩnh 2011 tiếp tục khẳng định nguyên tắc **bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ**, nhưng bổ sung quan điểm mới về **an ninh phi truyền thống** như an ninh mạng, biến đổi khí hậu.
  - Về đối ngoại, Cương lĩnh 2011 nêu rõ hơn chính sách **hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng**, thay vì chỉ tập trung vào “mở rộng quan hệ đối ngoại” như Cương lĩnh 1991.
- ♦ **Ý nghĩa bổ sung:** Những điều chỉnh này giúp Việt Nam thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và những thách thức mới trong an ninh, quốc phòng.

---

## Kết luận

Cương lĩnh năm 2011 tiếp tục kế thừa nội dung cốt lõi của Cương lĩnh 1991 nhưng có những bổ sung quan trọng nhằm phản ánh thực tiễn phát triển của đất nước và xu thế quốc tế. Những bổ sung này không chỉ mang tính cập nhật mà còn thể hiện sự phát triển về tư duy lý luận của Đảng, giúp định hướng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới.

**13. Anh/Chị hãy trình bày một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay được thể hiện thông qua Nghị quyết số 12-NQ/TW do Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành ngày 16/1/2012. Qua đó, hãy đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay.**

I. Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (2012)

Nghị quyết số 12-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (ngày 16/1/2012) có nội dung quan trọng về **một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng** trong tình hình mới. Nghị quyết xác định **ba vấn đề cấp bách** cần tập trung giải quyết:

1. **Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên**
  - Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, giảm sút niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
  - Xuất hiện tư tưởng xa rời mục tiêu, lý tưởng cách mạng, phai nhạt vai trò tiên phong gương mẫu của người đảng viên.
2. **Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cấp Trung ương, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín ngang tầm nhiệm vụ**

- Tình trạng chạy chức, chạy quyền, bổ nhiệm cán bộ không đúng năng lực, phẩm chất còn diễn ra.
  - Thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, dẫn đến cục bộ, lợi ích nhóm trong công tác cán bộ.
- 3. Xác định rõ trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu trong công tác xây dựng Đảng**
- Một số tổ chức đảng thiếu quyết liệt trong việc đấu tranh, tự phê bình và phê bình.
  - Còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, khiến kỷ luật Đảng chưa thực sự nghiêm minh.

---

## II. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên hiện nay

Dựa trên nội dung của Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên:

- 1. Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng**
  - Nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giữ vững bản lĩnh chính trị.
  - Tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong và ngoài nước.
  - Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng mạng xã hội để tránh bị tác động bởi thông tin xấu, độc.
- 2. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống suy thoái tư tưởng, đạo đức, lối sống**
  - Thực hiện nghiêm nguyên tắc tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt Đảng.
  - Đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.
  - Có cơ chế giám sát chặt chẽ, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm kỷ luật Đảng.
- 3. Cải cách công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ có phẩm chất, năng lực**
  - Chú trọng công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dựa trên năng lực thực sự, không chạy chức, chạy quyền.
  - Kiểm tra, giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện và xử lý sai phạm trong công tác nhân sự.
  - Xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả, công khai minh bạch trong đánh giá, bổ nhiệm cán bộ.
- 4. Nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo**
  - Đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ theo hướng thực chất, tránh hình thức.

- Tăng cường đối thoại giữa đảng viên với nhân dân để lắng nghe ý kiến phản biện xã hội.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác Đảng để quản lý, đánh giá đảng viên hiệu quả hơn.

#### **5. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân và các tổ chức đoàn thể**

- Thực hiện cơ chế "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong mọi hoạt động của Đảng.
- Khuyến khích nhân dân tham gia giám sát, phản ánh những biểu hiện suy thoái của cán bộ, đảng viên.
- Công khai kết quả xử lý vi phạm của đảng viên để tăng tính răn đe.

---

### **Kết luận**

Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI (2012) đã chỉ ra những vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng, đặc biệt là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; công tác cán bộ còn nhiều bất cập; và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức Đảng chưa cao. Để nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, cần kết hợp đồng bộ nhiều giải pháp từ giáo dục chính trị, nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, đến kiểm soát quyền lực và phát huy vai trò giám sát của nhân dân. Điều này sẽ góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới.

**14. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014). Qua đó, làm rõ đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp.**

I. Các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (6/2014)

Tại Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (tháng 6/2014), Đảng ta đã ban hành **Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước**. Nghị quyết xác định **5 quan điểm chỉ đạo quan trọng**, bao gồm:

- 1. Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển bền vững đất nước**
  - Văn hóa phải đóng vai trò trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội.
  - Phát triển kinh tế phải gắn liền với phát triển văn hóa, tránh chạy theo lợi nhuận mà làm mai một giá trị văn hóa dân tộc.
- 2. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân, do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo**



- Văn hóa không chỉ là nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước mà cần sự tham gia của cả cộng đồng.
- Phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, cá nhân trong bảo tồn và phát triển văn hóa.
- 3. **Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có nhân cách, đạo đức, trí tuệ, lối sống tốt đẹp, lòng yêu nước và tinh thần dân tộc**
  - Con người là trung tâm của phát triển văn hóa.
  - Đề cao những giá trị như trung thực, trách nhiệm, đoàn kết, sáng tạo.
- 4. **Phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với phát triển kinh tế - chính trị - xã hội, đảm bảo hội nhập nhưng không hòa tan**
  - Giữ gìn bản sắc dân tộc trong quá trình tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.
  - Đẩy lùi sự xâm nhập của văn hóa độc hại, tiêu cực.
- 5. **Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tạo điều kiện cho con người phát triển tốt nhất**
  - Đẩy mạnh xây dựng văn hóa trong chính trị, kinh tế, giáo dục, gia đình, xã hội.
  - Đấu tranh với các tệ nạn xã hội, văn hóa phẩm độc hại.

---

## II. Đóng góp của bản thân vào việc xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp

Dựa trên các quan điểm của Đảng, bản thân có thể đóng góp vào việc xây dựng nhân cách và lối sống tốt đẹp thông qua những hành động cụ thể như:

1. **Rèn luyện đạo đức, nhân cách cá nhân**
  - Luôn trung thực, trách nhiệm trong công việc và cuộc sống.
  - Sống có kỷ luật, tôn trọng pháp luật và các quy tắc xã hội.
  - Biết yêu thương, chia sẻ và giúp đỡ người khác.
2. **Gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc**
  - Tích cực tìm hiểu, bảo vệ và quảng bá văn hóa truyền thống Việt Nam.
  - Tôn trọng và sử dụng tiếng Việt đúng chuẩn mực, tránh lai căng, pha trộn thiếu kiểm soát.
3. **Học tập suốt đời, nâng cao trình độ trí tuệ**
  - Không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức chuyên môn và hiểu biết về văn hóa, xã hội.
  - Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới mà không bị ảnh hưởng tiêu cực.
4. **Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, trường học, nơi làm việc**
  - Tạo dựng thói quen ứng xử văn minh, tôn trọng ý kiến người khác.

- Đấu tranh với những hành vi lệch chuẩn, phản văn hóa trong đời sống.
5. **Ứng dụng công nghệ có trách nhiệm, bảo vệ môi trường thông tin lành mạnh**
- Sử dụng mạng xã hội đúng mục đích, lan tỏa những giá trị tích cực.
  - Không phát tán, tiếp tay cho các nội dung sai lệch, gây ảnh hưởng xấu đến xã hội.

---

## Kết luận

Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI đã đề ra những quan điểm chỉ đạo quan trọng trong việc xây dựng văn hóa và con người Việt Nam. Để hiện thực hóa những định hướng này, mỗi cá nhân cần có ý thức rèn luyện nhân cách, giữ gìn bản sắc văn hóa, học tập suốt đời và góp phần tạo dựng một xã hội văn minh, phát triển bền vững.

**15. Anh/Chị hãy trình bày các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được thông qua tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11-2013). Để đáp ứng với yêu cầu trên, sinh viên cần làm gì?**

I. Các quan điểm chỉ đạo của Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (11/2013)

Tại Hội nghị Trung ương 8, khóa XI (tháng 11/2013), Đảng ta đã ban hành **Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo** nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết nhấn mạnh **5 quan điểm chỉ đạo quan trọng** sau:

1. **Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển đất nước**
  - Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển bền vững.
  - Giáo dục phải gắn chặt với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc.
2. **Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế**
  - Chuyển đổi mạnh mẽ từ giáo dục nặng về lý thuyết sang giáo dục phát triển năng lực và phẩm chất người học.
  - Áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và quản lý giáo dục.
3. **Phát triển giáo dục toàn diện, chú trọng nhân cách, đạo đức, lối sống, sáng tạo và năng lực thực hành**
  - Học sinh, sinh viên không chỉ giỏi chuyên môn mà còn phải có đạo đức, trách nhiệm xã hội.

- Chương trình đào tạo cân cân bằng giữa kiến thức, kỹ năng và phẩm chất.
- 4. **Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, liên thông, học tập suốt đời**
  - Tạo điều kiện để người học có thể học tập liên tục, tích lũy kiến thức và phát triển bản thân.
  - Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp và đào tạo kỹ năng thực tiễn.
- 5. **Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm chất lượng, đổi mới phương pháp dạy và học**
  - Giáo viên phải được đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao năng lực giảng dạy.
  - Khuyến khích đổi mới phương pháp dạy học, áp dụng mô hình giáo dục tiên tiến.

## II. Sinh viên cần làm gì để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo?

Dựa trên những quan điểm chỉ đạo của Đảng, sinh viên cần chủ động thích nghi và nâng cao năng lực bản thân để đáp ứng yêu cầu giáo dục hiện đại. Một số giải pháp cụ thể bao gồm:

1. **Chủ động học tập, nâng cao năng lực cá nhân**
  - Xây dựng tinh thần tự học, tự nghiên cứu thay vì chỉ phụ thuộc vào giảng viên.
  - Tận dụng công nghệ thông tin, các khóa học trực tuyến để mở rộng kiến thức.
  - Phát triển kỹ năng thực hành thay vì chỉ học lý thuyết.
2. **Rèn luyện đạo đức, tư duy sáng tạo và kỹ năng mềm**
  - Rèn luyện ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tác phong công nghiệp.
  - Phát triển tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề thực tế.
  - Tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, làm việc nhóm, giao lưu học hỏi để nâng cao kỹ năng giao tiếp, lãnh đạo.
3. **Chủ động hội nhập và tiếp cận tri thức quốc tế**
  - Cải thiện khả năng ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, để dễ dàng tiếp cận tài liệu và cơ hội học tập, làm việc quốc tế.
  - Cập nhật xu hướng công nghệ, kinh tế, giáo dục toàn cầu.
4. **Tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo**
  - Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, đề tài thực tế để rèn luyện tư duy sáng tạo.
  - Ứng dụng công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ngay từ khi còn học đại học.

## 5. **Gắn kết việc học với thực tiễn, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp**

- Tìm kiếm cơ hội thực tập, làm thêm trong ngành nghề liên quan để có kinh nghiệm thực tế.
- Chủ động tham gia các dự án, câu lạc bộ chuyên môn để tích lũy kỹ năng.

---

## Kết luận

Nghị quyết 29-NQ/TW đã đề ra những định hướng quan trọng để đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Để đáp ứng yêu cầu này, sinh viên cần nâng cao năng lực tự học, phát triển kỹ năng thực hành, rèn luyện đạo đức, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế. Chỉ khi mỗi cá nhân nỗ lực không ngừng, nền giáo dục Việt Nam mới có thể thực sự đổi mới và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

**16. Anh/Chị hãy trình bày sáu nhiệm vụ trọng tâm để đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới được thông qua tại Đại hội XII (1/2016). Để phát huy nhân tố con người, sinh viên cần phải làm gì?**

6 nhiệm vụ: giáo trình trang 370

Nhân tố con người là yếu tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới. Để phát huy vai trò này, sinh viên cần:

### 1. **Chủ động học tập, nâng cao kiến thức và kỹ năng**

- Tích cực nghiên cứu khoa học, cập nhật tri thức mới.
- Phát triển tư duy sáng tạo, đổi mới trong học tập và làm việc.

### 2. **Rèn luyện đạo đức, tư tưởng chính trị vững vàng**

- Xây dựng lối sống lành mạnh, trách nhiệm với bản thân và xã hội.
- Học tập tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng xã hội văn minh.

### 3. **Phát triển kỹ năng thực tiễn, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động**

- Tích lũy kinh nghiệm qua thực tập, hoạt động ngoại khóa.
- Trang bị kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian.

### 4. **Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đóng góp cho cộng đồng**

- Hỗ trợ người yếu thế, tham gia phong trào tình nguyện.
- Góp phần xây dựng môi trường sống tốt đẹp, văn minh.

### 5. **Chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao ngoại ngữ và công nghệ**

- Học tập ngoại ngữ để tiếp cận tri thức toàn cầu.
- Ứng dụng công nghệ vào học tập, công việc để tăng hiệu suất.

**17. Anh/Chị hãy trình bày quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới của Đảng tại Đại hội XIII (2021). Để “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”, trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay là gì?**

Tại Đại hội XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (năm 2021), quan điểm phát triển đất nước trong thời kỳ mới được nhấn mạnh với những định hướng chiến lược quan trọng nhằm đưa Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển vào giữa thế kỷ XXI. Một số nội dung cốt lõi gồm:

**1. Kiên định với mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội**

- Tiếp tục kiên trì đường lối đổi mới, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia.
- Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị vững mạnh.

**2. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc**

- Chú trọng phát triển con người, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

**3. Phát triển bền vững trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội, môi trường**

- Bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trên nền tảng đổi mới sáng tạo.
- Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.
- Thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**4. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

- Cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.
- Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với thể chế đồng bộ, minh bạch.
- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tạo nền tảng cho sự phát triển dài hạn.

**5. Mở rộng hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia**

- Chủ động tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, thúc đẩy hợp tác kinh tế quốc tế.
- Giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

- Xây dựng nền ngoại giao hiện đại, nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

---

Trách nhiệm tiên phong của bản thân và sinh viên Việt Nam hiện nay

Để “khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc,” sinh viên Việt Nam – những chủ nhân tương lai của đất nước – cần thực hiện những trách nhiệm sau:

**1. Rèn luyện đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng**

- Tiếp thu, học tập và vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn.
- Đề cao tinh thần trách nhiệm, ý thức công dân, sẵn sàng cống hiến vì cộng đồng và đất nước.

**2. Học tập, nâng cao trình độ, làm chủ khoa học – công nghệ**

- Không ngừng trau dồi kiến thức, nâng cao chuyên môn, phát triển tư duy sáng tạo.
- Chủ động nghiên cứu khoa học, tiếp cận công nghệ mới, đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế tri thức.

**3. Phát huy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo**

- Dám nghĩ, dám làm, khởi nghiệp gắn với các lĩnh vực công nghệ cao, chuyển đổi số, kinh tế xanh.
- Tham gia các hoạt động thực tế, rèn luyện kỹ năng và bản lĩnh để sẵn sàng hội nhập.

**4. Góp phần xây dựng xã hội văn minh, nhân ái**

- Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, bảo vệ môi trường, giúp đỡ cộng đồng.
- Xây dựng lối sống lành mạnh, có trách nhiệm với bản thân và xã hội.

**5. Nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế**

- Chủ động học tập ngoại ngữ, tìm hiểu về các xu hướng toàn cầu, tiếp thu tri thức thế giới.
- Giữ gìn và quảng bá bản sắc văn hóa Việt Nam, nâng cao hình ảnh đất nước trên trường quốc tế.

**Kết luận**

Sinh viên Việt Nam không chỉ là lực lượng lao động tương lai mà còn là những người mang trong mình sứ mệnh xây dựng và phát triển đất nước. Bằng việc rèn luyện bản thân, trau dồi kiến thức, đổi mới sáng tạo và sống có trách nhiệm, sinh viên có thể hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong thời kỳ mới.

**18. Anh/Chị hãy trình bày những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ khi Đảng ra đời cho đến nay. Qua đó, anh/chị tâm đắc nhất bài học nào? Vì sao?**

Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng từ khi ra đời đến nay

Từ khi thành lập vào ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo đất nước vượt qua nhiều giai đoạn lịch sử quan trọng, từ cách mạng giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc đến công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế. Trong quá trình đó, Đảng đã rút ra nhiều bài học lớn có ý nghĩa chiến lược, giúp định hướng sự phát triển bền vững của đất nước. Những bài học quan trọng gồm:

1. Giữ vững và kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội
  - Đây là bài học xuyên suốt quá trình lãnh đạo của Đảng, thể hiện qua các cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc và công cuộc đổi mới đất nước.
  - Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết, chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển tất yếu, phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.
2. Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức
  - Đảng luôn coi trọng công tác xây dựng và chỉnh đốn, giữ vững bản chất cách mạng, khắc phục những hạn chế để nâng cao năng lực lãnh đạo.
  - Việc kiên trì tự phê bình và phê bình giúp Đảng luôn đổi mới và nâng cao sức chiến đấu.
3. Lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc
  - Đảng nhận thức rõ sức mạnh của nhân dân, coi nhân dân là chủ thể của cách mạng.
  - Mọi chủ trương, chính sách đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, đồng thời huy động sức mạnh toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, chủ động hội nhập quốc tế
  - Đảng luôn nhạy bén trong việc nắm bắt xu thế toàn cầu, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế để bảo vệ lợi ích quốc gia.
  - Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam chủ động mở cửa, hội nhập sâu rộng để phát triển kinh tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.
5. Đổi mới sáng tạo, phát triển đất nước bền vững
  - Đảng đã lãnh đạo thành công công cuộc đổi mới từ năm 1986, đưa Việt Nam từ một nước nghèo nàn, lạc hậu trở thành nền kinh tế đang phát triển năng động.

- Luôn đặt phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và đảm bảo lợi ích của các thế hệ tương lai.

---

Bài học tâm đắc nhất và lý do

Trong các bài học trên, **bài học “Lấy dân làm gốc, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc”** là bài học mà tôi tâm đắc nhất.

**Lý do:**

**1. Nhân dân là trung tâm của mọi sự phát triển**

- Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều nhờ vào sức mạnh của nhân dân.
- Từ Cách mạng Tháng Tám, các cuộc kháng chiến, đến công cuộc đổi mới hiện nay, nhân dân luôn là động lực, là chủ thể của sự phát triển.

**2. Giữ được niềm tin của nhân dân là giữ được sức mạnh của Đảng**

- Khi Đảng luôn hành động vì lợi ích của nhân dân, nhân dân sẽ tin tưởng và ủng hộ.
- Ngược lại, nếu xa rời nhân dân, Đảng sẽ mất đi chỗ dựa vững chắc nhất.

**3. Tạo sự đồng thuận để phát triển đất nước**

- Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, phát huy sức mạnh toàn dân là yếu tố quyết định để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội phát triển.
- Nếu không đoàn kết, đất nước sẽ khó đạt được những bước tiến vững chắc trong tương lai.

**Kết luận:**

Bài học về “Lấy dân làm gốc” không chỉ có ý nghĩa trong quá khứ mà còn mang tính thời sự, đặc biệt khi đất nước đang trên đà hội nhập và phát triển. Là một công dân, tôi nhận thức rằng cần đóng góp vào sự đoàn kết, chung tay xây dựng xã hội tốt đẹp, từ những hành động nhỏ nhất như tôn trọng pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm với cộng đồng, đến việc đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.